

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

**Sinh viên : TRƯƠNG BÁ BÌNH**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS ĐÀO THỊ THANH MAI**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TẠI ĐỀN ĐỒNG BẰNG**  
**- THÁI BÌNH ĐỂ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN**  
**HÓA TÂM LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

**Sinh viên : TRƯƠNG BÁ BÌNH**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS ĐÀO THỊ THANH MAI**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên:** TRƯƠNG BÁ BÌNH

**Mã SV:** 1512601004

**Lớp** : VH1901

**Ngành:** Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

**Tên đề tài:** Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng - Thái Bình để phục vụ phát triển du lịch văn hóa tâm linh

# **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu trong dân gian và tại đền Đồng Bằng.
- Các giải pháp triển du lịch văn hóa tâm linh thông qua hoạt động du lịch tại đền Đồng Bằng.

## **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Các tài liệu lý luận cơ bản về tín ngưỡng thờ mẫu và tư liệu công thông tin tỉnh Thái Bình.
- Các dữ liệu thông qua hoạt động khảo sát tại địa điểm lựa chọn đề tài.

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

**Công ty TNHH du lịch và thương mại Đông Nam Á.**

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : Đào Thị Thanh Mai

**Học hàm, học vị** : ThS

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng - Thái Bình để phục vụ phát triển du lịch văn hóa tâm linh.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Trương Bá Bình

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

ThS. Đào Thị Thanh Mai

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: ThS. Đào Thị Thanh Mai  
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: Trương Bá Bình Chuyên ngành: Văn hóa du lịch  
Đề tài tốt nghiệp: Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng - Thái Bình để phục vụ phát triển du lịch văn hóa tâm linh.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu để phục vụ nội dung nghiên cứu.
- Có ý thức kỷ luật tốt, chăm chỉ, chịu khó học hỏi.
- Hoàn thành đề tài đúng thời hạn.

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Đề tài đáp ứng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng tốt của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019*

**Giảng viên hướng dẫn**

ThS. Đào Thị Thanh Mai

# MỤC LỤC

Mục lục .....	1
1. Lí do chọn đề tài .....	10
2. Phạm vi nghiên cứu đề tài .....	11
3. Mục đích nghiên cứu đề tài .....	11
4. Đối tượng nghiên cứu.....	11
5. Phương pháp nghiên cứu.....	11
6. Kết cấu của khóa luận .....	11
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU.....	13
1. Khái niệm về tín ngưỡng và giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu.....	13
1.1. Khái niệm về tín ngưỡng .....	13
1.1.2 Từ thờ Nữ thần đến Mẫu Tam phủ, Tứ phủ.....	15
1.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam .....	17
1.2.1 Sự ra đời của tín ngưỡng thờ Mẫu .....	19
1.2.2 Quá trình phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu .....	23
1.2.3 Nghi thức tiêu biểu biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu.....	24
1.2.4. Vị trí của tín ngưỡng thờ Mẫu trong đời sống tâm linh.....	26
1.2.5 Môi quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác .....	28
1.2.6 Giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu .....	31
Tiểu kết chương 1 .....	36
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TẠI ĐỀN ĐỒNG BẰNG TỈNH THÁI BÌNH.....	37

2.1	Tổng quan về đền Đồng Bằng ở tỉnh Thái Bình .....	37
2.1.1	Tên gọi, vị trí địa lý.....	37
2.1.2.	Tổng thể kiến trúc .....	40
2.1.3.	Không gian thờ tự và cách bài trí.....	41
2.1.4.	Đối tượng chính được thờ phụng.....	47
2.1.5.	Quá trình hình thành và phát triển đạo Mẫu tại đền Đồng Bằng .....	59
2.2.	Lễ hội và các hoạt động chính diễn ra tại đền Đồng Bằng .....	60
2.2.1	Các hoạt động trong phần hội.....	61
2.2.2	Các hoạt động trong phần lễ.....	62
2.3.	Nghi thức hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng.....	64
2.3.1	Các thành phần được tham gia, trang phục và lễ vật trong nghi thức hầu đồng .....	64
2.3.2.	Trình tự hầu đồng .....	66
2.3.3	Trình tự của một giá đồng.....	67
2.4.	Thông tin về hoạt động du lịch tại đền Đồng Bằng.....	69
2.4.1.	Phương tiện tìm hiểu về di tích .....	69
2.4.2.	Số lần đến di tích .....	70
2.4.3.	Hình thức du lịch khi đến di tích.....	71
2.4.4.	Mục đích đến di tích .....	71
	Tiểu kết chương 2 .....	76
	<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI ĐỀN ĐỒNG BẰNG .....</b>	<b>77</b>
3.1.	Ý nghĩa trong việc bảo tồn gìn giữ nét văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình .....	77
3.2	Các giải pháp phát triển du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng .....	80



3.2.1	Đánh giá khả năng phát triển loại hình du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng.....	80
3.2.2.	Giải pháp nhằm phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh tại đền Đồng Bằng.....	82
3.2.2.1	Tuyên truyền quảng bá .....	82
3.2.2.2.	Phát triển đa dạng các hoạt động văn hóa tâm linh.....	83
3.2.2.3.	Phát triển nguồn nhân lực .....	84
3.2.2.4.	Phát triển cơ sở VCKT phục vụ du lịch .....	84
3.2.2.5.	Quản lý và tổ chức các lễ hội .....	84
3.2.2.6.	Vấn đề xã hội.....	85
	Tiểu kết chương 3: .....	87
	KẾT LUẬN.....	89
	PHỤ LỤC .....	90
	TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	91

## 1. Lí do chọn đề tài

Tín ngưỡng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, một thực thể xã hội và sản phẩm lịch sử do con người tạo ra. Tín ngưỡng và tôn giáo gắn bó lâu dài với dân tộc và phục vụ lợi ích dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có rất nhiều bao gồm cả Đạo Phật, Công giáo, Đạo Tin Lành, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng phồn thực, và đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu.

Tín ngưỡng thờ Mẫu là sản phẩm của văn hóa của con người Việt trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội mà nền tảng là nền nông nghiệp lúa nước. Tín ngưỡng thờ Mẫu (nói rộng ra là tín ngưỡng thờ Nữ Thần) chỉ có cộng đồng người Việt. Dân tộc Việt tôn thờ người phụ nữ, người mẹ, coi người mẹ là đáng bảo trợ cho sự tồn tại, sinh tồn, phát triển của con người, tự nhiên. Qua đó, tín ngưỡng thờ Mẫu đã phản ánh rõ nét đặc trưng của văn hóa dân gian, tăng cường ý thức liên kết cộng đồng cũng như việc đề cao vai trò người phụ nữ... Trong suốt tiến trình hình thành, phát triển ngày càng hoàn thiện, tín ngưỡng thờ Mẫu đã chịu ảnh hưởng nhiều từ các tôn giáo ngoại nhập như Phật Giáo, Công Giáo, Hồi Giáo... Tuy vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu là một trong những loại hình tín ngưỡng đặc trưng của người Việt Nam và ngày càng trở thành loại hình tâm linh không thể thiếu trong đó có đời sống của một bộ phận quần chúng nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng châu thổ sông Hồng.

Thái Bình là tỉnh đồng bằng ven biển có tài nguyên du lịch. Một trong những điểm di tích nổi bật đó là Đền Đồng Bằng, một bảo tàng nghệ thuật điêu khắc, là sản phẩm du lịch đặc sắc hấp dẫn du khách đến đây. Đền Đồng Bằng mang đậm phong cách kiến trúc truyền thống trong văn hóa làm gia tăng vẻ đẹp mê hồn cho ngôi đền độc nhất vô nhị trên vùng đất này. Ngoài vẻ đẹp thì đền Đồng Bằng còn là di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1986, là một ngôi đền vô cùng linh thiêng bậc nhất, nên thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài nước tìm đến đây tham quan và dâng hương. Đặc biệt đến với đền Đồng Bằng không thể không nhắc đến tín ngưỡng thờ Mẫu được tôn thờ từ xưa đến nay đối với

mỗi con người Việt Nam. Tín ngưỡng được người dân Việt Nam và hơn thế là người dân Thái Bình đã tôn kính và thờ phụng.

Chính vì vậy, mà em chọn đề tài: **“Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng - Thái Bình để phục vụ phát triển du lịch văn hóa tâm linh”**.

## **2. Phạm vi nghiên cứu đề tài**

Không gian : đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình

Thời gian : nghiên cứu trong quá trình làm đề tài khóa luận từ tháng 3/2019 – 6/ 2019.

## **3. Mục đích nghiên cứu đề tài**

Tìm hiểu rõ hơn về sự phát triển loại hình tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng của tỉnh Thái Bình. Từ đó thấy được tín ngưỡng thờ Mẫu quan trọng như thế nào trong du lịch tâm linh không chỉ đối với cả nước nói chung mà còn đối với tỉnh Thái Bình nói riêng.

## **4. Đối tượng nghiên cứu.**

Nghiên cứu về hệ thống thờ tự, những hoạt động, hình ảnh, trang phục và giá trị của tín ngưỡng trong đạo Mẫu của Việt Nam và đặc biệt chú trọng về đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện mục đích, nhiệm vụ của đề tài đặt ra, và giải quyết các luận điểm của mình, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích tổng hợp.
- Phương pháp khảo sát thực địa.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

Đề tài cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu thu thập tài liệu và chọn lọc nhiều nguồn tư liệu tham khảo khác nhau khi tìm kiếm các thông tin cần thiết như: các bài báo trên tạp chí, báo Internet, các bài khóa luận và các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan...

## **6. Kết cấu của khóa luận**

Kết cấu bố cục của đề tài khóa luận bao gồm phần mở đầu, các chương chính, kết luận – kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục. Phần nội dung chính được trình bày theo 3 chương:

**Chương 1: Tổng quan về tín ngưỡng thờ Mẫu**

**Chương 2: Thực trạng tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình**

**Chương 3: Một số giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại đền Đồng Bằng**

## NỘI DUNG CHÍNH

### CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU

#### 1. Khái niệm về tín ngưỡng và giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu

##### 1.1. Khái niệm về tín ngưỡng

Có rất nhiều nhà nghiên cứu trên các lĩnh vực, góc độ khác nhau đã đưa ra khái niệm về tín ngưỡng với những cách nghĩ khác nhau, thậm chí là đối nghịch nhau. Chủ nghĩa Mac-Lenin coi tín ngưỡng, tôn giáo là một loại hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Điều này đã được Angghen khẳng định: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người”. Chủ nghĩa duy tâm khách quan cho rằng: Tín ngưỡng, tôn giáo là một sức mạnh thần bí, thuộc lĩnh vực tinh thần tồn tại vĩnh hằng, là cái chủ yếu đem lại sinh khí, sức mạnh cho con người. Đại diện cho trường phái này là Platon, Heghen, .... Đối với các nhà thần học như Tomat Đacanh, ... xem tín ngưỡng, tôn giáo là niềm tin vào cái thiêng liêng, cái huyền bí, ở đó chứa đựng những yếu tố siêu nhiên, nó có một sức mạnh, một quyền lực to lớn có thể cứu giúp con người thoát khỏi khổ đau, có được hạnh phúc và sự bình yên. Việt Nam từ trước đến nay cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Trong Hán-Việt từ điển, Đào Duy Anh đã giải nghĩa: “Tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ tín đối với một tôn giáo hay một chủ nghĩa”. GS Đặng Nghiêm Vạn cho rằng: thuật ngữ “tín ngưỡng” có thể có 2 nghĩa. Khi nói đến tự do tín ngưỡng, người ta có thể hiểu là niềm tin nói chung hay niềm tin tôn giáo. Nếu hiểu tín ngưỡng là niềm tin thì có một phần ở ngoài tôn giáo, nếu hiểu là niềm tin tôn giáo thì tín ngưỡng chỉ là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành của tôn giáo. Nguyễn Chính cho tín ngưỡng là tâm linh, vì tín ngưỡng và tâm linh là hạt nhân của tín ngưỡng tôn giáo. Đây là niềm tin, sự trông cậy và yêu quý một thế lực siêu nhiên mà với tri thức của con người và kinh nghiệm chưa đủ để giải thích và lý giải được.

Một số học giả khác xem tín ngưỡng là tín ngưỡng dân gian với các nghi lễ thờ cúng thể hiện qua lễ hội, tập quán, phong tục truyền thống của dân tộc

Việt Nam. Như vậy, khái niệm tín ngưỡng được nhiều tác giả, nhiều ngành khoa học tiếp cận với nhiều quan điểm khác nhau. Vì thế tựu chung các quan điểm nêu trên về tín ngưỡng thể hiện nội dung sau: Tín ngưỡng là một bộ phận của ý thức xã hội, là 1 yếu tố thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần, là hệ quả của các quan hệ xã hội, được hình thành bởi quá trình lịch sử văn hóa, là sự biểu hiện niềm tin dưới dạng tâm lý xã hội vào cái thiêng liêng thông qua hệ thống lễ nghi, thờ cúng của con người và cộng đồng người trong xã hội.

Thuật ngữ “tín ngưỡng” bao gồm tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian: Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin vào lực lượng siêu nhiên theo những nguyên tắc thực hành tôn giáo nhất định. Tín ngưỡng dân gian phản ánh những ước nguyện tâm linh của con người và của cả cộng đồng, là niềm tin vào thần linh thông qua những nghi lễ, gắn liền với phong tục tập quán truyền thống. Theo GS.TS Phạm Ngọc Quang: Tín ngưỡng dân gian cũng có thể và cần được xem là một yếu tố, một bộ phận của văn hóa dân gian. Từ quan niệm đó, nếu văn hóa dân gian được hiểu là loại hình văn hóa ra đời nhờ sự sáng tạo của chính nhân dân, thì tín ngưỡng dân gian cũng có thể được xem là loại hình tín ngưỡng tôn giáo do chính nhân dân – trước hết là những người lao động – sáng tạo ra trên cơ sở những tri thức phản ánh sai lệch dưới dạng kinh nghiệm cảm tính từ cuộc sống thường nhật của bản thân mình. Khi đề cập đến sự tương đồng và khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo cũng cần làm rõ sự giống và khác nhau giữa tín ngưỡng và mê tín, mê tín với mê tín dị đoan. Thực chất, tín ngưỡng và tôn giáo là mê tín vì tin vào những điều không có thực, nhưng bản chất của tín ngưỡng và tôn giáo là không có dị đoan. Dị đoan là những điều quái lạ huyền hoặc do tin vào những điều nhảm nhí mà có. Dị đoan là hệ quả của mê tín, làm theo những điều quái dị không thật, không hợp lẽ phải. Dị đoan là mức cao hơn của mê tín.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người và các lực lượng siêu nhiên đến mức độ mê muội, cuồng tín với những hành vi cực đoan, thái quá, phi nhân tính, phản văn hóa. Mê tín dị đoan thường gây ra những hậu quả tiêu cực, ảnh hưởng

xấu đến đời sống xã hội. Hiện tượng mê tín dị đoan thường gắn liền với các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

### ***1.1.2 Từ thờ Nữ thần đến Mẫu Tam phủ, Tứ phủ***

Tục thờ Mẫu thân, Mẫu Tam phủ, Tứ phủ (Tam Tòa Thánh Mẫu) có quan hệ mật thiết với tục thờ Nữ thần. Tuy nhiên chúng không phải là đồng nhất. Nói cách khác Mẫu đều là Nữ thần nhưng không phải tất cả những thần đều là Mẫu thân. Tương tự như vậy ta có thể nói về tục thờ Mẫu thân và Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Rõ ràng là đạo Mẫu gắn liền với tục thờ Mẫu dân gian, nhưng như thế không có nghĩa mọi Mẫu thân đều thuộc diện thần của đạo Mẫu. Mẫu Tam phủ, Tứ phủ tức Tam Tòa Thánh Mẫu là một bước phát triển, một quá trình nâng cao từ một số hành vi tôn thờ rời rạc đến một thứ tín ngưỡng có tính hệ thống hơn.

Danh xưng Mẫu là gốc từ Hán Việt, còn thuần Việt là Mẹ, Mẹ (thô ngữ miền Trung). Nghĩa ban đầu, Mẫu hay mẹ đều để chỉ một người phụ nữ đã sinh ra một người nào đó, là tiếng xưng hô của con đối với người sinh ra mình. Ngoài ý nghĩa xưng hô thông thường, từ Mẫu và Mẹ còn bao hàm ý nghĩa tôn xưng, tôn vinh, chẳng hạn như Mẹ Âu Cơ, Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu nghi thiên hạ.

Tuy chưa được thống kê đầy đủ, nhưng cách tôn xưng là Mẫu, Quốc Mẫu, Vương Mẫu, Thánh Mẫu, đều liên quan tới các trường hợp sau:

- Các vị Thánh đứng đầu trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ Phủ: Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Địa, Thánh Mẫu Thiên Ya Na đều được xưng tôn là Thánh Mẫu.

- Các Thái Hậu (mẹ vua), Hoàng Hậu (vợ vua), Công Chúa (con vua) có tài năng, đức độ, có công lao lớn, hiển linh thì được tôn xưng là Mẫu: Quốc Mẫu, Vương Mẫu. Đó là các trường hợp Hoàng hậu và 3 công chúa Vua Tống (Tống Hậu), Thái Hậu họ Đỗ (?) thờ làm Thành hoàng ở làng Dịch Vọng, Từ Liên, Hà Nội, tương truyền bà là mẹ vua Lý Thần Tông, Quốc Mẫu (có nơi gọi là Thánh Mẫu), Ý Lan ở Quán Đồng Thiên, phố Đồng Thiên, ở đền Bà Tấm, Gia Lâm, Hà Nội. Con gái vua Hùng Nghị Vương, tôn là Thánh Mẫu thờ ở đền

Cao Mai, huyện Phong Châu, Phú Thọ, vợ vua Hùng cũng được phong là Tây Thiên Quốc Mẫu, đền thờ ở đỉnh núi Tây Thiên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ việc thờ Nữ thần, Mẫu thần đến các Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ là một bước phát triển về nhiều mặt. Tác nhân của sự phát triển ấy không chỉ có nhân tố nội sinh mà cả ngoại sinh nữa, trong đó trước nhất phải kể tới ảnh hưởng Đạo giáo Trung Quốc.

Đạo Mẫu Tứ Phủ so với tín ngưỡng thờ Thần đã có bước phát triển đáng kể về tính hệ thống của nó. Trước nhất, một tín ngưỡng vốn tán mạn, rời rạc, nay bước đầu có một hệ thống tương đối nhất quán về điện thần với các phủ, các hàng tương đối rõ rệt. Một điện thần với hàng mấy chục vị đã dần quy về một vị thần cao nhất là Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Tín ngưỡng thờ Mẫu, một tín ngưỡng dân gian bước đầu đã chứa đựng những nhân tố về một hệ thống vũ trụ luận nguyên sơ, một vũ trụ thống nhất chia làm bốn miền do hóa thân bốn vị thánh Mẫu cai quản. Đó là miền trời (Mẫu Thiên), miền đất (Mẫu Địa), miền sông biển (Mẫu Thoải) và miền núi rừng (Mẫu Thượng Ngàn). Một tín ngưỡng bước đầu thể hiện một ý thức nhân sinh, ý thức về Phúc, Lộc, Thọ, ý thức cội nguồn, dân tộc, lòng yêu nước, một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được linh thiên hóa mà Mẫu chính là biểu tượng cao nhất.

Một tín ngưỡng dân gian đã bước đầu hình thành một hệ thống thờ cúng trong các đền phủ, những nghi lễ đã được chuẩn hóa, trong đó Hầu bóng (Lên đồng) và lễ hội “tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ” là một điển hình.

Như vậy, Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ hình thành và phát triển trên nền tảng thờ Nữ thần và Mẫu thần, nhưng sau khi đã hình thành rồi thì Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ lại tác động ảnh hưởng theo xu hướng “Tam Phủ, Tứ Phủ hóa” tín ngưỡng thờ Nữ thần và Mẫu thần. Điều này chúng ta thường thấy khá phổ biến ở các đền, miếu thờ Nữ thần và Mẫu thần, thể hiện cách phối thờ, các hình thức trang trí, tranh tượng, các lễ vật, tục hát chầu văn ...



## ***1.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam***

Tín ngưỡng thờ Mẫu là một loại hình tín ngưỡng dân gian của dân tộc Việt Nam, được hình thành từ ngàn đời xưa, nó ăn sâu vào tiềm thức của dân tộc và đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc văn hoá Việt Nam. Cho đến nay tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn đang phát triển mạnh mẽ trong đời sống sinh hoạt của nhân dân. Trong tín ngưỡng dân dã của người Việt thì việc tôn thờ Nữ thần, thờ Mẫu là một hiện tượng khá phổ biến trong đời sống văn hoá, bắt nguồn từ lịch sử xã hội. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam thể hiện sự ngưỡng mộ chân thành của con người về vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình cũng như: trong xã hội, trong công cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Mẫu là một từ gốc Hán Việt được hiểu là Mẹ, hay Mẹ, Mẹ, Mẹ, dùng để chỉ người phụ nữ nói chung, người mà đã có công sinh thành, nuôi dưỡng những đứa con nên người. Ngoài ra, Mẫu còn được hiểu theo nghĩa rộng hơn đó là sự tôn vinh, tôn xưng một nhân vật nữ nào đó (có thật hoặc không có thật) như: Mẫu Âu Cơ, Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Nghi Thiên hạ,... Trong tâm thức của người Việt, Mẫu cũng có nghĩa là sự sinh sôi, nảy nở của vạn vật trong vũ trụ. Cho dù hiểu như thế nào thì vị trí của Mẫu trong tiềm thức của người Việt Nam luôn là sự thành kính, sự tôn trọng trong đời sống của họ. Việt Nam là nước đa tôn giáo, đa tín ngưỡng với đặc điểm nổi bật là sự bao dung, sự hoà hợp lẫn nhau của các tôn giáo trong cùng một quốc gia, vì thế trên khắp đất nước ta trải dài từ Bắc đến Nam có khoảng 1000 di tích văn hoá trong đó có 250 các di tích thờ cúng các vị thần hay danh nhân là Nữ. Chính vì thế trong kho tàng văn hoá dân gian về truyền thuyết hay thần thoại có nhiều những câu chuyện về các nữ thần như: Nữ thần Mặt Trời, Nữ thần Mặt Trăng người đã soi sáng xuống trái đất tạo lập nên đất trời, hay sự tích về “Nữ Oa đội đá vá trời”. Còn các nữ thần Tứ Pháp như: pháp Vân, pháp Vũ, pháp Lô, pháp Điện tạo ra các hiện tượng Mây, Mưa, Sấm, Chớp. Đây chính là những yếu tố mang tính bản thể của vũ trụ cũng được dân gian nữ tính hoá, hay những yếu tố được xem là bản nguyên đầu tiên của thế giới như: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ cũng được nhân dân ta gọi là Bà. Trong

quan niệm của người Việt thì Mẹ đầu tiên nuôi sống và che chở cho con người là Mẹ Cây. Không chỉ là nơi che chở cho con người mà còn mang lại hoa thơm quả ngọt nuôi sống cho con người, là nơi mà con người trú ngụ và tránh thú dữ. Chính vì thế tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam xuất hiện từ rất xa xưa, từ lúc mà con người còn sinh sống trong rừng xanh, hang hẻm, cho nên hình ảnh đầu tiên mà con người tôn thờ là Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Sơn Lâm. Người dân luôn tôn thờ Mẫu Thượng Ngàn cho đến khi mở rộng địa bàn cư trú xuống đồng bằng, lênh đênh sông nước xuống miền xuôi, lúc này Mẹ cây không còn nâng đỡ được họ nữa mà người che chở cho họ là Mẹ nước thế nên ý thức về Mẫu Thoải dần dần được hình thành. Cuộc sống sinh sôi và nhu cầu của con người ngày càng nhiều thì con người không chỉ trú ngụ ở sông núi mà còn phải khai phá đất đai để sinh sống. Lúc này hình ảnh Mẹ Đất được hình thành với sự tôn vinh là Mẫu Địa cùng với Mẫu thoải, Mẫu Thượng Ngàn phù hộ cho cuộc sống bình an, mưa thuận, gió hoà của con người.

Cho đến thế kỷ XVI, tín ngưỡng thờ Mẫu được làm phong phú hơn với hình tượng công chúa Liễu Hạnh được tôn là Thánh Mẫu. Khác với Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Địa đều có nguồn gốc từ tự nhiên thì Mẫu Liễu là hình tượng con người trần thế có thật được người Việt Nam sáng tạo ra hội tụ đầy đủ các yếu tố và đức tính quý báu của người phụ nữ Việt Nam. Chính vì thế người Việt Nam tôn vinh Liễu Hạnh là Tiên, là Thánh, là một trong tứ bất tử của mình. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam, nhân dân ta còn tôn thờ những bà mẹ có công sinh thành ra dân tộc, những người phụ nữ có tài giữ nước và dựng nước trong lịch sử. Như vật ta có thể hiểu rằng: Tín ngưỡng thờ Mẫu là một loại hình tín ngưỡng bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ nữ thần (nhưng không phải tất cả nữ thần đều là Mẫu), là một bộ phận của ý thức xã hội, được hình thành từ chế độ thị tộc mẫu hệ, để tôn vinh những người phụ nữ có công với nước, với cộng đồng tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội làm Thánh Mẫu, Vương Mẫu... và qua đó người ta gửi gắm niềm tin vào sự che chở, giúp đỡ của các lực lượng siêu nhiên thuộc nữ thần.

### ***1.2.1 Sự ra đời của tín ngưỡng thờ Mẫu***

Trong lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam, tín ngưỡng thờ Mẫu đã có từ rất là lâu đời và được truyền cho đến tận bây giờ, khó có thể xác định được thời điểm ra đời của tín ngưỡng này. Nó xuất phát từ tục thờ nữ thần, từ sự tôn kính tôn trọng dành cho những người phụ nữ. Tín ngưỡng thờ Mẫu ngày càng giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh – văn hóa của người Việt. Nói về tục thờ nữ thần, các công trình nghiên cứu đã đặt ra và giải đáp các câu hỏi tại sao nữ thần được thờ và thống kê số lượng các nữ thần trên khắp đất nước Việt Nam. Theo thống kê của tác giả Đỗ Thị Hảo và Mai Thị Ngọc Chúc trong cuốn sách “ Các nữ thần ở Việt Nam” hiện nay ở Việt Nam có khoảng 75 vị nữ thần được người dân Việt Nam thờ phụng. Những vị thần đó đại diện cho nét văn hóa trọng tính âm, tôn vinh những giá trị của người phụ nữ từ xa xưa. Chính những dấu hiệu đó cho ta thấy tín ngưỡng thờ Mẫu đã hình thành từ lâu đời và phát triển in sâu vào tín ngưỡng văn hóa của con người Việt Nam cho đến tận ngày nay. Trong tâm linh của người Việt, tín ngưỡng thờ Mẫu là một nét văn hóa đẹp của người Việt. Thờ Mẫu chính là thờ những vị thần đại diện cho sức mạnh của thiên nhiên, con người, được cả cộng đồng tôn vinh, có công với đất nước, thỏa mãn trong ước mơ của người dân cầu mong sự may mắn, hạnh phúc và che chở cho con người những lúc gặp khó khăn hoạn nạn.

Tín ngưỡng thờ Mẫu hình thành xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, xuất phát từ lòng tôn kính của người dân Việt, tôn vinh những giá trị vẻ đẹp của người phụ nữ. Là những người giữ vai trò quan trọng không chỉ trong xã hội mà còn cả về trong gia đình đời sống của người dân. Về kinh tế, người phụ nữ nắm giữ nhiều công đoạn quan trọng trong đời sống sản xuất, đặc biệt là việc trồng lúa nước – một trong những ngành nghề mang đậm dấu ấn Việt, người phụ nữ còn được ngợi ca và tôn thờ ví với Mẹ Lúa. Đồng thời, họ là người phát hiện, lưu truyền ngành nghề thủ công truyền thống. Trong trồng trọt cũng như chăn nuôi, người phụ nữ luôn chiếm vai trò hết sức quan trọng không thể thiếu. Cùng với đó, họ chính là những người truyền lửa, giữ nhiệt cho gia

đình, nuôi dạy con cái. Trong xã hội Việt Nam, người phụ nữ giúp điều hòa những mối quan hệ xã hội bằng sự khéo léo của mình. Tuy nhiên, dưới những ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo, người phụ nữ bị ràng buộc bởi những tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, những bất công và quy chuẩn của xã hội. Họ hầu như không có tiếng nói. Thờ Mẫu thể hiện sự tôn vinh coi trọng những giá trị của người phụ nữ, giải phóng những bất công, trói buộc dành cho những người phụ nữ. Người ta thấy trong các đình, đền, chùa thờ Mẫu hầu hết là những vị thần được tôn kính, có công với đất nước, truyền nghề và giúp dân qua những vất vả những họa nạn, nguy khốn. Chính vì thế, thờ Mẫu là tín ngưỡng điếm hình cho sự coi trọng phụ nữ.

Thứ hai, tín ngưỡng thờ Mẫu xuất phát từ quan niệm tâm linh của con người. Bản chất của mỗi con người đều có rất nhiều nỗi sợ hãi những nỗi nguy hiểm đến với chính mình. Chính vì thế, con người có tâm lý sợ hãi trước những thế lực siêu nhiên mà họ quan niệm luôn tồn tại trong cuộc sống. Họ cần cái gì đó, những vị thần có thể chở che và bảo vệ được cho họ trước những hiểm nguy khó khăn trong cuộc sống. Đó là những vị thần linh có sức mạnh đủ để trở thành điếm tựa tinh thần vững chắc cho họ. Ta có thể thấy rằng tín ngưỡng thờ Mẫu này xuất phát từ chính quan niệm của người Việt. Trong từ điển “Mẫu” tức là mẹ, là những người phụ nữ, là giống cái, đặc trưng cho tính âm. Tính âm đem lại sự hài hòa và trường tồn, bảo vệ và chở che, giống như một người mẹ đang che chở cho những đứa con của mình trước những khó khăn, thiên tai, dịch bệnh. Vị thần có thể đem đến cho họ sự may mắn và hạnh phúc. Vì vậy tín ngưỡng thờ Mẫu đã đem lại niềm tin cho người Việt về sự bảo vệ, phù hộ của thầy linh trong cuộc sống. Người ta đến với Mẫu như là đến với người mẹ có thể giúp mình giải hạn, tránh được những điều không may mắn, tìm được những niềm vui và niềm hạnh phúc dành cho mình, thậm chí cả tình duyên.

Thứ ba, tín ngưỡng thờ Mẫu xuất phát từ văn hóa nông nghiệp lúa nước. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, ta thấy rằng xuất hiện những vị thần đại diện cho thiên nhiên. Tín ngưỡng này đã bước đầu chứa đựng những yếu tố, nhân tố về

một hệ thống vũ trụ luận nguyên sơ, một vũ trụ thống nhất bốn miền: miền trời (Mẫu Thiên), miền đất (Mẫu Địa), miền song biển (Mẫu Thoải), miền rừng núi (Mẫu Thượng Ngàn) đó là những vị thần đại diện cho tự nhiên, đại diện cho những miền quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến con người và đến đời sống sinh hoạt hoạt động sản xuất của con người. Và những vị thần sẽ có sức mạnh, quyền lực để giúp cho con người mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu tươi tốt.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu hình thành lên tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Cho đến nay, tín ngưỡng này đã phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong xã hội hiện đại. Tín ngưỡng thờ Mẫu hình thành, phát triển, đi sâu vào tâm linh người Việt như một phần không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa. Sự hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu xuất phát từ sự tôn vinh của con người dành cho người phụ nữ. Sự hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu là một cơ sở nền tảng vững chắc cho sự phát triển sau này của việc thờ Mẫu.

#### \* Điều kiện kinh tế - xã hội

Tôn giáo, tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng thờ Mẫu nói riêng cũng ra đời từ nguồn gốc kinh tế-xã hội, nhận thức và tâm lý tình cảm. Theo quan điểm Mác-xít thì tín ngưỡng, tôn giáo là một hiện tượng lịch sử xã hội, là một bộ phận của ý thức xã hội. Cho nên nó có quy luật hình thành, tồn tại và phát triển riêng, được nảy sinh trên cơ sở kinh tế - xã hội nhất định, chịu sự quy định của tồn tại xã hội. Điều kiện địa lý tự nhiên chính là môi trường sinh thái mà trong đó con người sinh sống và tồn tại. Đặc biệt môi trường tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt, phong tục tập quán canh tác của con người. Cũng chính từ môi trường tự nhiên mà con người có được những tư liệu sản xuất cần thiết cho sự tồn tại của bản thân mình và nuôi sống gia đình để duy trì sự phát triển của xã hội. Kể từ đó con người hình thành mối quan hệ với tự nhiên. Vì thế môi trường tự nhiên thuận lợi hay khó khăn đều tác động trực tiếp đến đời sống tinh thần hay vật chất của con người trên tất cả các lĩnh vực như: phong tục, tập quán, tín ngưỡng, văn hoá, lễ hội...

Việt Nam là quốc gia nằm ở vùng Đông Nam Á có địa hình phong phú và đa dạng, với những đồng bằng rộng lớn, hệ thống sông ngòi dày đặc, bên cạnh đó còn có địa hình rừng núi hiểm trở, vùng biển rộng với bờ biển dài và có nhiều bãi biển đẹp. Hơn thế nữa, Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt mùa mưa và mùa khô. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần hình thành nên những sắc thái riêng biệt trong tập tục sản xuất, canh tác của cư dân nông nghiệp cũng như những nét sinh hoạt trong đời sống văn hóa tinh thần, trong đó có tôn giáo, tín ngưỡng. Việt Nam là một nước thuần nông, nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Thời gian đầu khi công cụ sản xuất chưa phát triển, phương thức canh tác còn lạc hậu nên con người sống còn phụ thuộc vào tự nhiên. Chính trong cuộc sống sản xuất nông nghiệp của nhân dân luôn thể hiện khao khát, mong chờ sự che chở của một thế lực bên ngoài, từ đó dẫn đến việc con người thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên và vô hình chung gán cho các hiện tượng tự nhiên một sức mạnh siêu nhiên và tôn thờ nó. Vì thế trong đời sống tâm linh của người Việt xuất hiện tín ngưỡng thờ thần trong đó thần thánh hóa các vị nữ thần, vì theo quan niệm của họ sản xuất nông nghiệp gắn liền với các yếu tố như đất nước (là yếu tố âm) hay những yếu tố của tự nhiên khác như mặt trăng, mặt trời, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp (pháp Vân, pháp Vũ, pháp Lô, pháp Điện).

Cũng như các loại hình tín ngưỡng khác, tín ngưỡng thờ Mẫu là sự phản ánh đời sống xã hội của con người. Đời sống xã hội là yếu tố mang tính khách quan, có vai trò quyết định ảnh hưởng tới quá trình hình thành và tồn tại của tín ngưỡng thờ Mẫu.

\* Điều kiện địa lí tự nhiên ảnh hưởng tới quá trình hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam:

Điều kiện tự nhiên chính là môi trường sinh thái trong đó con người sống và tồn tại. Môi trường sinh thái là nơi cung cấp tư liệu lao động cần thiết cho con người. Con người tồn tại trong môi trường sinh thái, do đó quan hệ giữa con người và tự nhiên cũng là một mặt của đời sống xã hội, là yếu tố quan trọng của

tồn tại xã hội. Môi trường tự nhiên khó khăn hay thuận lợi có ảnh hưởng to lớn tới cách thức sản xuất và do đó ảnh hưởng tới đời sống, cách ứng xử, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo. Việt Nam là một quốc gia ở vùng Đông Nam Á, có địa hình đồng bằng, rừng núi, ven biển và hải đảo. Khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, lắm nắng nhiều mưa với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông trong đó có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Điều đó góp phần tạo nên sắc thái riêng biệt của nơi cư trú, các thiết chế xã hội, thói quen, tâm lí và các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo.

Như vậy trong nền “văn minh lúa nước” có nhiều tập tục gắn với quy trình canh tác đặc thù của cây lúa. Với tập tục đó xuất hiện nhiều tín ngưỡng hay nghi thức liên quan đến các yếu tố đất, nước, cây lúa. Theo kinh nghiệm của cư dân nông nghiệp thì yếu tố đất và nước là yếu tố quan trọng hàng đầu liên quan đến sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa. Thế nên dân gian ta thường truyền nhau Kinh nghiệm trong canh tác: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Vì thế người xưa tôn thờ những yếu tố đất, nước, cây lúa và coi nó như là thần linh từ đó hình thành tín ngưỡng thờ thần như: Thần đất, Thần nước, Thần lúa, ... vì những yếu tố đó gắn liền với việc sinh sản ra lúa, gạo để nuôi sống con người nên theo quan niệm dân gian các vị thần ấy thường là các Nữ Thần.

### ***1.2.2 Quá trình phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu***

Tín ngưỡng thờ Mẫu hình thành và phát triển mạnh mẽ ở khắp đất nước Việt Nam. Từ tục thờ nữ thần ban đầu, những nữ thần đem lại sự may mắn và có công lao với Tổ quốc được nhân dân đặc biệt tôn kính sẽ trở thành những vị thánh Mẫu. Trải qua những thăm trầm của lịch sử, biến cố thời gian, tín ngưỡng thờ Mẫu đã thể hiện sự phát triển mở rộng về địa bàn và số lượng người tham gia, phải nói đến sự du nhập, tiếp đến các giá trị văn hóa để làm chúng ta có một tín ngưỡng thờ Mẫu phong phú vẫn đậm bản sắc Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam có kết hợp cùng với một số tín ngưỡng khác. Đầu tiên là tín ngưỡng thờ Thành Hoàng Làng. Đó chính là những người có công đặt những viên gạch nền móng đầu tiên để hình thành làng đó hoặc có

công truyền nghề cho ngôi làng. Trong đạo Mẫu, ta thấy xuất hiện một số Mẫu cũng chính là Thành Hoàng của ngôi làng. Xét cho cùng, tín ngưỡng thờ Mẫu ẩn trong đó những giá trị đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” và mang nhiều dấu ấn của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tiếp theo, trong tín ngưỡng thờ Mẫu xuất hiện dấu ấn của Phật giáo. Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, ta thấy xuất hiện trong các ngôi chùa vốn thờ Phật là những gian thờ Mẫu. Những gian thờ này nằm sau gian thờ Phật. Nhưng tóm lại, khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo cùng với lại tín ngưỡng của đạo Mẫu đã dung hòa với nhau một cách nhuần nhuyễn và cùng tồn tại, cùng phát triển song song để thỏa mãn nhu cầu của người dân Việt. Ngoài ra, một nghìn năm tồn tại và phát triển dưới chế độ phong kiến thì tín ngưỡng thờ đạo Mẫu đã ảnh hưởng rất nhiều với tín ngưỡng Đạo giáo. Đó là trong tín ngưỡng thờ Mẫu ta thấy được rõ tính chất thờ Thần tiên. Ở đây, các vị thánh Mẫu hầu hết là những vị thần tiên được nhân dân tôn kính. Bên cạnh thờ Mẫu còn thờ Ngọc Hoàng – Vốn là một vị thần đặc trưng của đạo giáo. Chính vì vậy, Ta nhìn thấy trong tín ngưỡng thờ Mẫu yếu tố của thần linh, thần thánh.

Như vậy, trải qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, đến nay tín ngưỡng thờ Mẫu không ngừng phát triển trên khắp đất nước Việt Nam, Trên khắp ba miền đất nước. Đặc biệt và thể hiện rõ nhất ở miền bắc của Việt Nam. Ở miền bắc những nơi như Phủ Dầy (Nam Định), Phủ Tây Hồ (Hà Nội), đền Đồng Bằng được thu hút đông đảo người dân đến cúng bái. Hằng năm, những lễ hội được tổ chức thu hút hàng nghìn lượt khách đến tham gia. Tại những nơi này, hoạt động Lên đồng diễn ra thường xuyên, liên tục. Các buổi lễ Lên Đồng ngày càng diễn ra phổ biến tại các địa phương. Các nghi thức Lên Đồng phát triển mạnh mẽ, thể hiện sự phong phú, đa dạng trên từng vùng miền đất nước.

### ***1.2.3 Nghi thức tiêu biểu biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu***

Tại mỗi nơi thờ Mẫu đều có những nghi thức thờ cúng Thánh Mẫu. Để cầu mong cho sự sinh sôi nảy nở, cho làm ăn phát đạt, mong cho làm sao có thể mạnh khỏe... Chính vì vậy các nghi thức thờ cúng hết sức độc đáo và đa dạng mà không biết có nó từ bao giờ. Hầu bóng một nghi thức không thể thiếu trong



tín ngưỡng thờ Mẫu Đầy là một nghi thức tiêu biểu, nó còn được hay gọi là đồng bóng hay là hiện tượng lên đồng... Đó là hiện tượng người ngồi làm giá để bóng của thánh mẫu giáng nhập cũng như các vị quan cô, cậu giáng nhập. Nên người ta gọi ngồi đồng là một giá đồng. Thời gian dài hay ngắn do phụ thuộc vào buổi lễ nhiều hay ít giá đồng. Đồng ở đây có nghĩa là cùng, người cùng cái bóng của mẫu hòa nhập làm một. Trong quãng thời gian đó người ngồi đồng sẽ biểu diễn, thể hiện mọi cử chỉ của thánh mẫu cũng như lời nói của Thánh Mẫu. Và điều đó cũng hiện ra với các giá đồng khác. Nên người ta gọi là đồng bóng hay hầu bóng. Hiện tượng này diễn ra nhiều dịp trong năm như: Hầu bóng xông đền. rất nhiều bộ quần áo với nhiều loại khác nhau. Vì mỗi giá đồng thể hiện nhiều sắc thái khác nhau. Không thể cùng hầu châu Bà đồng nhất với châu Ông được. Mỗi người giáng nhập vào người hầu có biểu hiện khác nhau như: Nếu là châu Ông thì có ông là quan Văn có ông quan Võ. Lễ đó ông quân văn có tư thế đi khác và cách ăn mặc khác so với quan võ. Hay ngay cả các châu bà cũng vậy. Ví dụ như khi Thánh Mẫu Thượng Ngàn giáng nhập thì phải thay bộ quần áo miền núi chứ không dùng được quần áo đồng bằng được, hay khi ông hoàng Chín Lê Sát giáng nhập thì phải thay bộ quần áo quan võ có ngựa, kiếm chứ không thể mặc quần áo quan văn... Trong tư thế biểu hiện của cử chỉ người hầu cũng vậy tùy theo người giáng nhập mà thể hiện, không lung tung được. Người ngồi đồng phải che kín mặt mũi còn gọi là phủ diện tay cầm ba nén nhang đang cháy hướng lên điện thờ, khua vòng hương trước mặt, miệng lầm bầm khẩn xin thánh mẫu giáng nhập. Mà khi ra tay báo hiệu thì đó là thánh nữ nhập, nếu hiệu tay trái là thánh nam nhập và giơ tay phải là hiệu cho biết thánh nữ nhập. Khi thực hiện nghi thức này thường đi kèm với các bài văn nói lại những thần tích lịch sử ra Mẫu. Từ lịch sử ra đời, đến công lao của Mẫu đối với dân chúng. Chính vì vậy trong quá trình đó người ta đã sáng tạo ra các điệu hát, câu hát, người ta gọi đó là hát châu văn, là một loại hình sân khấu đặc sắc, mang nét đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu.

#### ***1.2.4. Vị trí của tín ngưỡng thờ Mẫu trong đời sống tâm linh***

Trong cuộc sống của người, là cái thiêng liêng cao cả, niềm tin vào cái thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm. Có thể nhận thấy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” luôn được dân tộc ta tôn thờ từ ngàn đời nay. Đó là sự tôn thờ của nhân dân đối với những người có công với đất nước, với dân tộc. Đây là đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Nét văn hóa đó được thể hiện ở ba cấp độ văn hóa: Gia đình, làng xã, quốc gia dân tộc. Tôn vinh những danh nhân văn hóa, các anh hùng dân tộc, hay các đối tượng thờ tự của các tôn giáo tín ngưỡng. Dù ở mọi hình thức nào nó cũng là những sản phẩm văn hóa hoàn chỉnh, khoa học và thẩm mỹ, thỏa mãn nhu cầu tâm linh của quần chúng nhân dân. Tín ngưỡng thờ Mẫu là tín ngưỡng thờ cúng điển hình trong các đối tượng thờ cúng tại Việt Nam. Thờ Mẫu ở đây có thể là thờ các nữ thần, các Mẫu trong huyền thoại hay các Mẫu có thực được con người tôn vinh. Tất cả đó đều được hình tượng hóa, linh thiêng hóa, dân chúng thờ vọng để ghi nhớ công ơn các việc mà các Mẫu đã làm. Tín ngưỡng thờ Mẫu đã trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, đã đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân ta từ buổi đầu dựng nước. Đó là một hiện tượng sống, một truyền thống tích cực của văn hóa. Và có thể thấy nó ăn sâu vào tâm linh của nhân dân ta hết sức sâu đậm cho đến hiện nay.

Có thể nói, trong tâm thức người nhân dân ta tín ngưỡng thờ Mẫu có vị trí quan trọng trong tâm thức. Nó thể hiện trên việc số lượng di tích thờ Mẫu ở nước ta hết sức phong phú và đa dạng. Nó được phân bố trên hầu khắp cả cho đến Đền bà Chúa Xứ ở miền trong... Với một số lượng lớn như vậy nhưng không phải là độc nhất một đối tượng thờ tự mà với nhiều Mẫu khác nhau như; Mẫu Âu Cơ, Mẫu Liễu Hạnh của người Việt, Mẫu Thiên Yana của người Chăm... Việc lập các đền thờ Mẫu không phải chỉ để đó mà việc lập các đền thờ, phủ thờ rõ ràng là cầu mong, muốn có sự chở che của các Mẫu đối với dân chúng. Tín ngưỡng thờ Mẫu có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân ta không chỉ thể hiện trên số lượng các di tích được thờ tự. Mà thông

qua các nghi thức, lễ nghi của những hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng tiêu biểu, đặc trưng cho loại hình đạo Mẫu này. Trong những nghi lễ, nghi thức đó không chỉ là để cho có mà nó thể hiện cho sự mong muốn của con người muốn bày tỏ lên Thánh Mẫu những thứ mà họ cần. Ví như trong nghi thức hầu bóng trên vờn thì thông qua mỗi giá đồng con người lại có thể trực tiếp cầu xin thánh Mẫu, các ông hoàng, bà cô. Đặc biệt hơn trong các trò chơi của lễ hội tại các đền Mẫu được sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân nó càng chứng minh cho vị trí của tín ngưỡng này trong đời sống nhân dân. Tuy mỗi một dân tộc lại có những vị mẫu khác nhau. Chính vì vậy, mà cách bày trí, các nghi thức cũng không hẳn giống nhau. Nhưng có một điều nhận thấy đó là các vị mẫu đều chiếm một lòng tin đối với cư dân. Đó không chỉ là người Việt mà người Chăm, Khmer, Hoa. Đều có một vị trí quan trọng đối với đời sống cư dân. Cho dù mẫu đó là người bắt nguồn ngay ở Việt Nam hay từ đâu đến. Từ truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc các tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần ra đời. Và trong đó tín ngưỡng thờ Mẫu cũng đã ra đời. Và có những lúc người ta coi đó như là một tôn giáo. Nhưng tín ngưỡng thờ Mẫu đâu phải là một tôn giáo. Nếu ta nhìn nhận từ một góc độ tôn giáo thì một tôn giáo ra đời phải dựa trên những tiêu chí của nó đó là: Có người sáng lập, có nơi hành lễ, có giáo lý, giáo luật quy định các lễ nghi của nguồn từ tín ngưỡng dân gian không ai sáng tạo ra hay đúng hơn là không biết nó từ đâu ra, mà ra từ lúc nào. Nó cũng không có thánh đường chung như Kitô giáo. Và nó cũng không có giáo lý giáo luật nào cả. Nhưng nghi lễ, nghi thức của nó bắt nguồn từ dân gian do quá trình lâu dài được đúc kết. Nghĩa là nó chưa phải là một tôn giáo, nhưng được nhân dân ta tôn sùng, tin theo gọi đó là Đạo Mẫu. Nhưng vậy tại sao nó lại có sự ảnh hưởng sâu rộng như vậy trong đời sống tâm linh của người dân. Đó là do ý thức về cội nguồn, lòng biết ơn đối với người mẹ. Nó không phải là tôn giáo nó chỉ là một tín ngưỡng mang niềm tin đối với mọi người thôi nhưng là một niềm tin khó thể thay thế và phát triển như đúng những gì nó có. Trong quá trình du nhập của nhiều loại hình tôn giáo vào nước ta. Các tôn giáo này không thể đơn độc truyền

đạo, mà phải kết hợp với các loại hình tín ngưỡng bản địa, trong đó có đạo Mẫu. Nó càng cho thấy vị trí quan trọng của tục thờ Mẫu trong đời sống cư dân Việt Nam.

### ***1.2.5 Môi quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác***

Việt Nam là nước đa tôn giáo, tín ngưỡng. Một đặc điểm nổi bật của tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam là sự đan xen, dung hoà của các tôn giáo. Điểm này cũng xuất phát từ bản thân tính cách của người Việt đó là tính nhân ái, bao dung cho nên bất cứ một tín ngưỡng, tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam chúng ta đều tiếp nhận trên cơ sở kế thừa và chọn lọc những yếu tố phù hợp với phong tục, tập quán của người Việt, hay nói cách khác khi các tôn giáo du nhập vào Việt Nam thì nó đã bị “bản địa hoá”. Giữa các tôn giáo và tín ngưỡng không có sự phân biệt rạch ròi mà giữa chúng có sự đan xen hoà quyện lẫn nhau, tạo nên nét đặc sắc trong văn hoá Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam được xem là tín ngưỡng bản địa nhưng cũng chịu ảnh hưởng của một số tín ngưỡng, tôn giáo khác như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần, tín ngưỡng Thành Hoàng làng, Đạo giáo, Nho giáo, Kitô giáo...

Tín ngưỡng thờ Mẫu được xem là thoát thai từ đạo thờ thần và chịu ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo ở Trung Quốc, “Đạo Mẫu” với tư cách là một biến thể ở Việt Nam đã và đang có sự thâm nhập vào các tín ngưỡng, tôn giáo khác.

#### **• Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên**

Tín ngưỡng thờ mẫu cũng tiếp thu những ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, một tín ngưỡng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong đời sống tinh thần người Việt. Trong điện thờ của tín ngưỡng thờ Mẫu mang tính gia tộc, có vua Cha, có thánh Mẫu, có phong tục “Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ”. Tín ngưỡng thờ Mẫu lấy hình ảnh người Mẹ làm hình tượng, bên cạnh Mẹ còn có cha. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có ý nghĩa giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” một đạo lý bất diệt muôn đời của người Việt.

- Tín ngưỡng thờ thần và tín ngưỡng phồn thực

Tín ngưỡng thờ thần là một loại tín ngưỡng nguyên thủy nó ra đời thể hiện sự bất lực của con người trước tự nhiên. Vì thế họ tôn thờ các vị thần có nguồn gốc từ tự nhiên như Thờ Tứ Pháp (pháp Vân, pháp Vũ, pháp Lô, pháp Điện), Thờ Thần Mặt Trời, Thờ Thần Mặt Trăng... và đều có liên quan đến Nữ Thần. Người Việt không chỉ thờ Thần có công sáng tạo ra vũ trụ như: Nữ Oa, Thần Lửa, Thần Mộc,... mà còn thờ các vị thần có công giúp dân trong việc dựng nước và giữ nước, lập bản, lập làng, mở mang nghề nghiệp, gương sáng trung hiếu nghĩa tình như: Đức Thánh Trần, Các Vua Hùng, Liễu Hạnh, Thánh Gióng, Mẫu Thượng Ngàn,... Do đó, có thể nói rằng những anh hùng dân tộc, những người có công, những nhà văn hoá,... được nhân dân ta tôn thờ hầu hết là có nguồn gốc từ Nữ Thần. Vì thế tín ngưỡng thờ Thần cũng có những ảnh hưởng đến tín ngưỡng thờ Mẫu và ngược lại tín ngưỡng thờ Mẫu cũng ảnh hưởng trở lại tín ngưỡng thờ Thần ở Việt Nam. Tín ngưỡng phồn thực biểu tượng cho sự sinh sôi, nảy nở để tạo ra sự sống của muôn loài. Người xưa tôn thờ tín ngưỡng này với mơ ước mong cho cuộc sống con người luôn trường tồn, cuộc sống sinh sôi, no đủ. Chính sự sinh sôi đó bao hàm yếu tố âm gắn liền với hình tượng người phụ nữ - chủ thể của sự sinh sôi, nảy nở, theo người xưa quan niệm từ người mẹ mà sự sinh sôi, nảy nở diễn ra không ngừng. Cũng chính vì ý nghĩa đó mà người ta tôn thờ tín ngưỡng phồn thực và coi nó như một nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá dân gian của người Việt, nó được bảo tồn cho đến ngày nay và là cơ sở nền tảng để các tín ngưỡng ngoại lai khi du nhập vào Việt Nam đều bị “bản địa hoá”. Trong đó hình tượng người Mẹ của tín ngưỡng thờ Mẫu cũng ảnh hưởng và quy định trở lại tín ngưỡng phồn thực được xem là đặc nét văn hoá đặc sắc của người Việt từ bao đời nay.

- Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng

Thờ Thành Hoàng là một tín ngưỡng phổ biến của người Việt Nam. Cơ sở tâm lý và xã hội của tín ngưỡng này chính là sự tin tưởng vào một vị thần nào đó để bảo vệ cho cuộc sống nhân dân được bình yên, phồn thịnh, phát triển. Ở Việt

Nam tín ngưỡng này phát triển khá rộng rãi ở bất kỳ một bản, một làng nào của người Việt cũng tôn thờ một vị thần được nhân dân tôn vinh là Thành Hoàng và lập đình thờ. Tất cả các vị Thành Hoàng ở khắp Bắc - Trung - Nam đều có nguồn gốc lịch sử rõ ràng. Mặc dù có nguồn gốc khác nhau nhưng tựu chung lại họ đều có tấm lòng bao dung và mang tính linh thiêng. Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng đều khơi dậy ở mỗi con người ý thức về dân tộc, về nguồn gốc tổ tiên của mình: "Chim có tổ, người có tông". Tín ngưỡng thờ Mẫu và tín ngưỡng thờ Thành Hoàng đều là tín ngưỡng bản địa, giữa chúng có mối quan hệ với nhau. Chúng đều có điểm xuất phát từ đạo thờ thần, trong đó thì nhiều Thành Hoàng làng có nguồn gốc từ Nữ Thần và đều mang đặc trưng là hướng tới tổ tiên, nhớ về cội nguồn với mơ ước cuộc sống muôn đời của nhân dân được phúc lộc, bình an.

- Đạo giáo

Đạo giáo là một thứ tôn giáo ra đời ở Trung Quốc, tư tưởng cơ bản của Đạo Giáo là sống tuân theo lẽ tự nhiên và luôn đề cao tự nhiên, hướng con người đến với cuộc sống của thế giới thần tiên, có được cuộc sống vui vẻ, trường sinh. Hệ thống các vị thần trong Đạo giáo hết sức phong phú và mang tính đa thần. Đạo Giáo vào Việt Nam khá sớm và ăn sâu, bám rễ vào trong cuộc sống của cư dân người Việt cổ. Có thể thấy rằng trong số các tôn giáo du nhập vào Việt Nam thì Đạo giáo là tôn giáo gần gũi có quan hệ chặt chẽ với các tín ngưỡng dân gian bản địa trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Tín ngưỡng thờ Mẫu đã tiếp thu và cải biến một số nội dung của Đạo Giáo phù hợp với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam như các hình thức lên đồng, các hình thức phù thủy, hệ thống điện, thờ... những nội dung xuyên suốt và cốt lõi của tín ngưỡng thờ Mẫu là tôn thờ Mẹ. Cho dù là có sự tiếp biến nhưng tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam không thể đồng nhất với Đạo Giáo mà ở Việt Nam tín ngưỡng thờ Mẫu mang đậm bản sắc dân tộc.

- Phật giáo

Trong quá trình Đạo Phật du nhập vào nước ta thì dần dần cũng được dân gian hoá. Giữa Đạo Phật và Đạo Mẫu có sự tiếp thu và thâm nhập lẫn nhau khá sâu sắc. Điều mà chúng ta dễ nhận biết là hầu hết trong các ngôi chùa hiện nay đều có điện thờ Mẫu. Cần phải thấy rằng Quan Âm trong Phật Giáo Ấn Độ vốn là nam thần nhưng khi qua Trung Quốc vào nước ta đã bị “Nữ Thần hoá” thậm chí “Mẫu hoá” để trở thành quan thánh của Đạo Mẫu ở Việt Nam. Trong các ngày giỗ Mẫu, giỗ Mẹ đều có nghi thức rước Mẫu lên chùa để đón Phật về phủ. Trong xã hội nông thôn Việt Nam thì có sự thâm nhập của hai thứ tôn giáo, hay tín ngưỡng này cũng là điều dễ hiểu. Tất cả đều hướng con người tới cái tử bi, bác ái, tinh thần cộng đồng, khuyến thiện, trừ ác và hai thứ tôn giáo tín ngưỡng này bổ sung cho nhau nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân. Theo Phật để tu nhân, tích đức cho đời sau để lên cõi Niết Bàn cực lạc, còn theo Đạo Mẫu mong được phù hộ độ trì cho sức khoẻ, tài lộc, may mắn trong cuộc sống thường ngày.

- Thiên chúa giáo

Đối với Thiên Chúa Giáo thì Đạo Mẫu cũng không tạo thành bức tường rào ngăn cách. Truyền thống tôn thờ Mẫu ở Việt Nam cũng có cái gì gần gũi gần bó với hình ảnh Đức Mẹ Maria của Thiên Chúa Giáo. Do vậy, khi du nhập vào nước ta Thiên Chúa Giáo ở Việt Nam vẫn đề cao vai trò của người Mẹ - Đức Mẹ Maria. Ở những trung tâm Thiên Chúa Giáo của Việt Nam, bên cạnh hình tượng Đức Chúa Giêsu thì vẫn tôn thờ Đức Mẹ Maria như: Nhà Thờ Phát Diệm, Nhà Thờ Lớn (Hà Nội), ... Như vậy, khi Thiên Chúa Giáo vào Việt Nam cũng dần dần bị “bản địa hoá” và ảnh hưởng tác động trở lại các tín ngưỡng, tôn giáo khác trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam đã có sự tiếp biến, giao thoa với các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa cũng như ngoại nhập tạo nên tính đặc sắc của tín ngưỡng mang tính bao dung, ôn hoà giữa các tôn giáo, tín ngưỡng đều hướng con người tới cuộc sống bình yên, no đủ, hạnh phúc.

### ***1.2.6 Giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu***

Tín ngưỡng thờ Mẫu đem lại những giá trị đặc sắc đối với văn hóa Việt Nam. Đó là những giá trị được truyền lại từ đời này sang đời khác và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong đó, tín ngưỡng này góp phần làm đa dạng thêm nền văn hóa Việt Nam trong đó có hội nhập và phát triển. Giá trị đó thể hiện trên nhiều mặt mà điển hình nhất là trên ba phương diện: giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa tổ chức đời sống.

Tín ngưỡng thờ Mẫu chứa đựng nhiều giá trị trong đời sống tinh thần, tâm linh của người Việt. Tín ngưỡng thờ Mẫu là động lực tinh thần trong đời sống tinh thần của một bộ phận không nhỏ cư dân. Tín ngưỡng thờ Mẫu chứa đựng những quan niệm về con người và tự nhiên, về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người trong đời sống xã hội, ở đó hình tượng Mẫu giữ vai trò chủ đạo. Với niềm tin rằng các Thánh Mẫu có sự yêu thương, che chở và bảo vệ, phù hộ cho những đứa con của mình tránh được những bất trắc, rủi ro trong cuộc sống, người ta tìm thấy được sự cân bằng trong tâm hồn của mình sau những bộn bề của cuộc sống thường nhật. Họ tin rằng, người mẹ tinh thần ấy cũng sẵn sàng quở phạt những ai xúc phạm, có hành vi bất kính với Người. Vì vậy, người ta đến với Mẫu, đứng trước Mẫu để xin quyền năng của Người bằng cả lòng thành, sự chân thật và mang tính trang nghiêm. Các Thánh Mẫu là chỗ dựa tinh thần cho họ. Họ gửi gắm cuộc đời, số phận và sự nghiệp của mình đến các Mẫu để tìm kiếm sự bình yên và tạo lại sự cân bằng trong tâm lý khi phải đương đầu với những khó khăn. Điều quan trọng là, tín ngưỡng thờ Mẫu hướng con người vào cuộc sống thực tại chứ không phải vào cuộc sống sau khi chết. Với sự thực tâm, cầu xin, họ dễ được ban phát, đạt được ước mong ở hiện tại.

*Thứ nhất*, giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu xét về phương diện văn hóa tinh thần. Tín ngưỡng thờ Mẫu làm sống lại những giá trị văn hóa truyền thống thông qua lễ hội, các hoạt động và nghi lễ thờ Mẫu. Lễ hội là một trong những hoạt động thể hiện rõ nhất những nét đặc sắc của một tín ngưỡng, của một tôn giáo. Các truyền thuyết dân gian còn lưu truyền đang góp phần bảo lưu những giá trị văn



hóa tâm linh. Người ta còn thấy được rằng trong các lễ hội tiêu biểu cho tín ngưỡng thờ Mẫu là hình ảnh của những phong tục, tập quán trong các lễ hội cổ xưa. Tất cả đều được giữ gìn và phát huy lưu truyền theo thời gian.

Tín ngưỡng thờ Mẫu đã góp phần làm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của người dân. Con người luôn tìm đến thần linh mỗi khi họ có những niềm vui, buồn, những bế tắc, những khó khăn trong cuộc sống... Mọi trạng thái tinh thần của con người đều khiến họ nghĩ đến Thánh Mẫu – Vị Thánh có thể bảo hộ che chở và làm cuộc sống tốt hơn. Chính vì thế, người dân tìm đến Thánh Mẫu như tìm đến người mẹ của mình để che chở yêu thương. Đó là khát vọng của mỗi con người khi họ được hào mình vào thế giới tâm linh, thỏa mãn được nhu cầu tinh thần và khát khao hạnh phúc.

Xét về giá trị nghệ thuật, tín ngưỡng thờ Mẫu đã được lưu giữ giá trị một số loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc của dân tộc. Những điệu hát văn và các loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc của dân tộc. Những câu hát văn và các điệu múa lần lượt được lưu truyền trong các buổi Lên Đồng. Thông qua đó, các buổi Lên Đồng đó, con người được nghe những làn điệu hát văn đậm chất dân gian. Âm nhạc không chỉ làm cho những người trong buổi lễ được thăng hoa mà còn giúp họ quên đi cuộc sống âu lo, căng thẳng của cuộc sống hàng ngày để cùng hòa nhập vào thế giới thần linh. Những câu hát, câu dân ca cũng được bảo tồn và duy trì.

*Thứ hai*, giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu xét về phương diện văn hóa vật chất. Tín ngưỡng thờ Mẫu để lại những dấu ấn không thể mờ theo năm tháng ở những công trình tín ngưỡng tôn giáo. Người ta thấy các đình, đền, chùa thờ Mẫu được xây dựng lối kiến trúc văn hóa tinh xảo, đẹp mắt. Nhìn vào công trình đó, ta thấy nét đặc sắc trong kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật tạc tượng. Những hiện vật còn lưu trữ ở các nơi thờ Mẫu mang giá trị lịch sử, khoa học khôn mất phúc hậu, hiền từ. Tất cả những hiện vật đó sẽ được bảo lưu theo thời gian và truyền từ đời này sang đời khác và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tiếp theo, đó là những bộ trang phục thể hiện cho văn hóa độc đáo của các tộc người thiểu số cũng được lưu giữ thông qua tín ngưỡng thờ Mẫu. Những bộ trang phục ấy được sử dụng trong những buổi lên đồng. Những bộ trang phục này được mặc không chỉ mang tính trình diễn, bảo tồn những trang phục truyền thống mà góp phần quảng bá, giúp mọi người biết đến và hiểu thêm về văn hóa của các tộc người thiểu số thông qua màu sắc, hoa văn... trên những trang phục dân tộc.

*Thứ ba*, những giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu xét về phương diện văn hóa tổ chức cộng đồng, tín ngưỡng thờ Mẫu đã góp phần gìn giữ những nét sinh hoạt cộng đồng truyền thống của người Việt. Nhìn vào các lễ hội, ta thấy trong đó là hình ảnh của làng xã Việt Nam với tính kết nối cộng đồng. Người dân làng cùng nhau tham gia lễ hội. Ngoài ra, tại các đình, đền, chùa thờ Mẫu là những điểm đến cho khách có thể đến lễ bái và đặc biệt là hình ảnh của người dân bản địa đi lễ thánh Mẫu vào những ngày Rằm, mùng Một, ngày lễ Tết. Những ngày lễ đó, những người dân tụ họp lại không chỉ là người dân bản địa và cả người dân ngoại tỉnh cũng sẽ tập trung lại và đến để dâng lên những lễ vật với lòng thành tâm của mình dâng kính lên với thánh Mẫu, mong được những sự bình an, hạnh phúc và những điều tốt lành cho mình. Từ đó tín ngưỡng thờ Mẫu ngày càng được con người biết đến và hiểu biết nhiều hơn, giữ gìn được bản sắc của tín ngưỡng thờ Mẫu trong dân gian.

Bên cạnh những giá trị tích cực, thì hiện nay tín ngưỡng thờ Mẫu đang bộc lộ những hạn chế. Nếu trước đây thờ Mẫu là sự thần thánh hóa những người phụ nữ đẹp với ý nghĩa sản sinh ra giống nòi, mang tính thuần túy về tâm linh, thì hiện nay, một số người lợi dụng niềm tin của người khác để “buôn thần, bán thánh”. Một số người đến với Mẫu không phải để cầu mong sức khỏe, bình an, mà để cầu mong làm giàu, xin lộc, vay mượn. Nhiều hoạt động mê tín, dị đoan lợi dụng lòng tin, sự nhẹ dạ của con người đã thâm nhập vào các lễ hội tín ngưỡng thờ Mẫu. Những kẻ “buôn thần bán thánh” đã biến những vị thần thánh, những người có công đức, thành đối tượng để trục lợi. Nhiều tín đồ đến với các

Mẫu không phải đến với cái tâm trong sáng mà với mục đích rửa sạch tội lỗi, được các thần Mẫu che chở cho những hành động sai trái của mình trong cuộc sống hàng ngày. Như vậy, bên cạnh những giá trị to lớn, hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu cũng bộc lộ những hạn chế nhất định.

## **Tiểu kết chương 1**

Tín ngưỡng thờ Mẫu ra đời và phát triển trong lòng dân tộc, có nhiều giá trị tốt đẹp, nói lên được vai trò của người phụ nữ Việt Nam, khẳng định và tôn vinh người phụ nữ. Trải qua biến thiên của lịch sử dân tộc, tín ngưỡng thờ Mẫu không ngừng khẳng định vai trò của mình trong đời sống tâm linh của người Việt, thể hiện khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong thế giới thực tại. Tín ngưỡng thờ Mẫu đã tự biến đổi mình bằng cách dung hợp và tiếp biến những giá trị của các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian khác (như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Hồi giáo...). Tín ngưỡng thờ Mẫu thể hiện ước mơ của người dân về sự sinh sôi nảy nở đem lại cuộc sống ấm no. Đồng thời, nó cũng chính là lòng tin của con người vào sự linh thiêng của các vị Thánh Mẫu và thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” trong tâm thức của người Việt. Đây cũng chính là giá trị nhân văn và đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TÍN NGƯỞNG THỜ MẪU TẠI ĐỀN ĐỒNG BẰNG TỈNH THÁI BÌNH**

### **2.1 Tổng quan về đền Đồng Bằng ở tỉnh Thái Bình**

#### **2.1.1 Tên gọi, vị trí địa lý**

Đền Đồng Bằng tọa lạc trên đất An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày nay. Đền Đồng Bằng là nơi thờ Đức Vua Cha Bát Hải Động Đình-Người có công lớn trong việc bình thực giữ nước và chiêu dân lập ấp, xây dựng giang sơn xã tắc từ buổi sơ khai. Đây là ngôi đền đã tồn tại gần 4000 năm (từ thời Vua Hùng) trên đất Thái Bình.

Cũng vì thế mà có những câu thơ, ca dao để nhớ về ngày lễ:

“Dù ai buôn bán đâu xa/ 22 - 8 giỗ cha thì về  
Dù ai buôn bán trăm nghề/22 - 8 thì về làng tôi.”

Đền Đồng Bằng nằm kề quốc lộ 10, thuộc thôn Đào Động – vùng đất trải dài 2km, rộng 1km. Và chính vì nằm ngay bên trục đường của đường quốc lộ 10 mà vì thế được người dân biết đến rất nhiều và được sự đông đảo của cả nước đến tham dự mỗi khi đền Đồng Bằng tổ chức lễ hội.

Đền Đồng Bằng hay còn có tên gọi khác: đền Đào Động, đền Đức Vua Cha, đền Bát Hải Động Đình, đền Đức Vua. Các tên gọi này được lưu truyền trong dân gian và trong các tài liệu thành văn đều không thống nhất. Vậy để hiểu cho đúng tên gọi của đền, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nghĩa của các tên gọi nêu trên. Vào thời Trần, đền Đồng Bằng nằm trong trung tâm căn cứ lưu vực sông Hóa của Hưng Đạo Đại Vương, khi trấn giữ lưu vực sông Luộc, sông Hóa, Trần Quốc Tuấn đã đến nơi này viễn cảnh, bái yết ngôi đền. Lúc đó, ngôi đền còn nhỏ bé, ông nhận thấy nơi đây là một thế mạnh. Vì vậy, ông đã sai tướng Phạm Ngũ Lão và phò mã Đô úy Nguyễn Chế Nghĩa về đây đắp thành lũy, lập căn cứ ở trang Đào Động. Đây là hậu cứ chống quân Nguyên xâm lược vững như thành đồng, nên làng Đào Động còn có tên gọi là “Động Bình” có nghĩa là bức chắn bằng kim loại trên phòng tuyến chống quân xâm lược Nguyên. Cứ như vậy, theo sự chảy trôi của dòng thời gian và cùng với sự truyền ngôn của dân gian ngôi

làng mang tên “Đồng Bằng”. Ngoài tên “Đồng Bằng”, đền còn được ghi vào biển kê bảng văn với tên gọi khác. Trên bảng văn công chính đề bốn chữ Hán: “Bát Hải Động Đình” trên bản sao thân tích của đền có dòng chữ ghi ở bìa như sau: “Bát Hải Động Đình ngọc phả lục”. Cho đến nay, cũng có nhiều người giải thích sai lệch về tên gọi này. “Bát Hải” có nghĩa là tám biển, ý muốn chỉ chiến công của Vĩnh Công xưa, đánh tan giặc trên tám cửa biển nước Nam. Sau khi chiến thắng, ông được giao trọng trách giữ gìn và khai khẩn, xây dựng tám cửa biển nước Nam. “Động” có nghĩa là một đơn vị hành chính cấp thấp dưới thời Lý - Trần. “Đình” vốn dĩ có nghĩa là “dừng”, là nơi nghỉ của các triều thần hoặc nhà vua khi đi kinh lý. Khái niệm này xuất hiện thời nhà Lý thế kỉ XII. Sau này, “Đình” mới có nghĩa là nơi cộng đồng, nơi thờ thành hoàng của một làng, một khu vực trong một địa vực hành chính. Với cách hiểu trên thì “Bát Hải Động Đình” cần phải hiểu theo hai nghĩa :

- *Nghĩa thứ nhất*: Là nơi dừng chân của nhà vua hoặc các triều thần tại ở kinh lý tại tám động của cửa biển.

- *Nghĩa thứ hai*: Là nơi thờ cộng đồng các vị tiên công của tám động vùng cửa biển. Hay là ngôi đình chung của tám động vùng cửa biển. Như vậy, tên gọi “Bát Hải Động Đình” là thân hiệu chính thống, là tên gọi từ xa xưa của đền để chỉ Vĩnh Công xưa. Hay còn được dung tên phổ biến nhất mà người dân hay gọi là đền Đồng Bằng.

#### \* Vị trí địa lý đền Đồng Bằng

Đồng Bằng xưa chỉ là một cồn đồng, bốn bề sông nước mênh mông do vậy ngôi đền của làng cũng được bao bọc bởi các con sông. Thời cổ đại, giao thông chủ yếu dùng thuyền “Đông Chu, Bắc Mã” cho nên với vị trí tâm điểm của các con sông là điều kiện thuận lợi để khách lễ hướng về đền. Đền Đào Động nằm giữa khu vực sông Hóa và sông Đại Lãm, ngược lên phía Bắc gặp sông Luộc ở khu vực Tuần Tranh (Linh Giang) tiếp vào sông Hồng Hà, xuôi về phía Đông 7 km sẽ sông Thái Bình tại cầu Xe. Theo sông Hóa có cửa ra sông Thái Bình, sông Đại Lãm hợp với sông Diêm đổ ra cửa Trần (tức cảng Diêm

Điền). Từ kinh thành theo sông Hồng vào cửa Hải Thị về sông Đại Lãm. Từ Đông Bắc theo sông Thái Bình xuống cầu Xe xuống Tuần Tranh và sông Hóa để đến Đào Động đều thuận lợi.

Năm 1910, Pháp mở quốc lộ 10 từ Ninh Bình qua Nam Định sang thị xã Thái Bình, đi thị xã Kiến An và thành phố Hải Phòng. Tuyến đường quốc lộ này đã tạo điều kiện thuận lợi nối Đào Động với nhiều miền đất nước. Đền Đào Động tọa lạc cạnh cầu Vật, sát đường quốc lộ, cách thị xã Thái Bình 20km, cách thành phố Hải Phòng 70km và cách thị xã Kiến An 59km. Nếu xét địa lý của đền theo thuyết phong thủy cổ truyền đến tận bây giờ thế đất tọa lạc của đền vẫn là một thế đất đẹp, biểu tượng cho sự bền vững và hưng thịnh. Theo thuyết phong thủy, chọn thế đất trước mặt phải “thủy đáo tiên đường”, phía sau “kim quy án hậu”, tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ. “Tả Thanh Long” là khu đầm Bà, chạy dài dọc địa giới phía Đông Đào Động như hình một con rồng xanh mềm mại ôm ấp lấy đền. “Hữu Bạch Hổ” là đồng làng Mỹ như thế hổ châu hướng phục vị đền. Với vị trí như vậy, nhân một lần vào bái yết thần đền tướng quân Phạm Ngũ Lão đã để lại một bài thơ ca ngợi:

“Xuân nhật tảo di hoa ảnh động  
Thu phong viễn tống hạc thanh lai  
Lưu quang điện hạ thiên tùng thụ  
Quả cảnh thần tiên nhất thủ tài”.

Dịch thơ:

“Xuân đến lung linh rợp trời hoa  
Hạc về để tiễn gió thu xa  
Dưới bóng trời cây đền rục rờ  
Đáng chón thần tiên nhất nước nhà”.

Như vậy, đền tọa lạc trên một vị trí có linh khí trời đất hội tụ, “Đáng chón thần tiên nhất nước nhà”. Mọi tinh hoa của đất trời kết tinh và thăng hoa làm tăng thêm tính linh thiêng và huyền bí cho ngôi đền. Đền Đào Động với vị trí cách quốc lộ 10 không quá xa, đủ cho du khách muôn phương có thể xuống xe đi tản

bộ vào đền, cũng không quá gần quốc lộ để không bị chịu ảnh hưởng tiếng ồn ào của dòng xe xuôi ngược. Một lần nữa ta khẳng định: đền Đào Động xây dựng có tiếp thu thuyết phong thủy truyền thống của đạo giáo và đó là thế đất đứng đầu trong lựa chọn xây dựng gia trạch, miếu mạo.

### **2.1.2. Tổng thể kiến trúc**

Trong bài Hồ từ viết vào cuối thế kỉ XIII, quan Điện Tiền Phạm Ngũ Lão khi đi lễ và tham quan đền Đào Động, xúc động trước vườn đào, điện thánh, Phạm tướng công đã phác họa đền Đào Động qua những vần thơ tuyệt bút. Đó là cảnh buổi sớm mùa xuân, hoa lá rung rinh, đã xa rồi tiếng hạc mùa thu gió lạnh. Trong đền rực sáng, trời tụ khí thiêng. Giữa đời Lê Trung Hưng, đền có được tu bổ, mở rộng, nhưng không có văn bia nào chép lại. Song chỉ cần hiện diện công trình tôn tạo năm 1899 cũng đã khẳng định được tầm vóc của di tích này. Trong bài văn châu viết từ năm 1940 đã khảo tả cảnh đền hội đầu thế kỷ như sau:

“Phủ Thái Ninh về miền Phụ Dục  
Danh tiếng đồn náo nức gần xa  
Đào Động đền phủ nguy nga  
Tối linh tối thượng mấy tòa uy nghi  
Đôi bên ngựa đứng voi quỳ  
Nhờn như phượng múa, long ly châu vào  
Nọ chim hót, nọ hoa chào  
Một vùng cổ thụ ngất cao như thành  
Bốn bề sông lượn bao quanh  
Bồng lai tiên cảnh như tranh họa đồ”.

Cho đến nay, chốn “Bồng lai tiên cảnh như tranh họa đồ” ấy vẫn còn nguyên cảnh sắc xưa. Đền Đào Động với tổng diện tích là 20.520m<sup>2</sup>, diện tích nội tự là 6000m<sup>2</sup>, tổng thân điện là 18 mẫu được thiết kế theo kiểu “tiền nhị hậu đình” như một lâu đài trung cổ gồm 13 tòa, 66 gian liên hợp chặt chẽ. Quần thể kiến trúc đền chia thành 4 tiểu khu, phía trước là 3 tòa Đại tiền môn, tả hữu gồm 6 tòa nhà lính, phía sau là 2 tòa cửa thủ từ và nhân viên trị sự. Ba khu vực trên bao



quanh 7 cung thờ thánh như khuôn viên chữ “quốc” lấy tâm tòa Trung Môn và Cấm Điện làm trục thân đạo. Đền xây dựng đối xứng từng vì, từng tòa. Khu vực trung tâm thì cao đẹp, khu vực ngoại biên và hành lang khiêm nhường liên kết thành một tổ hợp kiến trúc chặt chẽ làm nổi bật điểm sáng nơi thờ tự. Toàn bộ kiến trúc khu đền chính chỉ có tòa Bái Đình (cung thờ Công Đồng) và cung Cấm là có hệ thống cửa ra đóng vào mở, còn các cung khác chỉ có lối cửa mạch phía hồi đi xuống sân hành lang. Không gian trong đền hầu như thông suốt, khách lễ có thể đi qua từng cửa từ thấp đến cao, từ cửa trình Cô, trình Cậu rồi vào cửa Công Đồng, qua tứ phủ Quan Hoàng, rồi lên cửa Châu Bà, Tôn Ông đến nơi thâm nghiêm nhất là Cửa Mẫu và điện Vua Cha. Khách lễ có thể vào cửa tả, ra cửa hữu, vào cổng Đông, ra cổng Tây, thuận đường sông đi tiếp các đền đài xung quanh đền thờ chính. Việc phân cung là căn cứ vào cấu trúc bộ mái, còn trên mặt nền là một mặt phẳng tiện lợi cho việc đi lại, lễ bái thông giữa các tòa, tạo điều kiện cho khách tham quan từ một điểm có thể phóng tầm nhìn bao quát được toàn bộ kiến trúc nội tự. Tổng thể kiến trúc đền đồ sộ, được bố trí khoa học. Theo thuyết phong thủy, thế đất của đền biểu thị cho sự bền vững và phồn thịnh. Vị trí địa lý linh thiêng như vậy cùng với cách bài trí trong đền đã làm tôn thêm sự thanh thoát, hư ảo nhưng cũng hết sức bề thế, uy nghiêm của thần điện mà các di tích khác khó sánh được.

### ***2.1.3. Không gian thờ tự và cách bài trí***

Thông thường khi vào một di tích dịch sử, người ta có thể nhìn thấy được cách bài trí của các pho tượng được đặt trọng ngôi đền. Mỗi ngôi đền hay đình, chùa đền có một cách bài trí riêng và toát lên vẻ thanh cao, yên bình thanh tịch riêng từng mỗi hạng mục công trình để có thể nói lên được tính chất của nó. Ở mỗi di tích khác nhau sẽ có cách hiểu và bày biện khác nhau. Đình là nơi thờ thành hoàng làng, đồng thời là nơi hội họp, bàn việc dân. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với cộng đồng dân cư và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam. Còn chùa lại là cơ sở hoạt động, truyền bá Phật giáo, nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư,

tăng, ni, kể cả các tín đồ hay người không theo đạo đều có thể viếng thăm, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo. Nhắc đến đền là người ta liên tưởng đến công trình kiến trúc để thờ cúng một vị thánh hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như những vị thần. Còn đối riêng với lại đền Đồng Bằng thì cũng có những nét riêng và bài trí sự khác biệt của đền: gồm 7 công trình kiến trúc lớn, bố cục liên hoàn.

#### \*Nghi môn

Từ trục thân đạo vào đền Đào Động có theo 3 cổng, đó là đại tiền môn (3 tòa ông chính), Đông môn và Tây môn. Đại tiền môn là cổng dẫn chính vào tâm của đền. Đông môn dẫn khách vào hành lang tả. Tây môn dẫn khách vào hành lang bên hữu. Các cổng trên được thiết kế như sau:

Hai cổng Đông môn và Tây môn. Đi từ dốc cầu Vật, theo 300m đường dải nhựa, theo sông Đại Lãm, đi hết đoạn đường râm mát bóng cây ta gặp một sân lớn, giữa đào hồ tròn đường kính 16m, nước trong xanh, xưa gọi là ao rộng xung quanh được xây gạch, giữa hồ đắp núi ngũ nhạc. Bốn mặt trồng cây cảnh hoa bốn mùa. Theo lệ xưa, khách thập phương dùng nước hồ rửa mặt, tẩy trần cho sạch sẽ trước khi vào bái vọng Đức Vua Cha. Đứng ở đó ta có thể thấy được tòa Nghi Môn bề thế, cổng đền là một công trình kiến trúc hoành tráng kiểu

Đại Môn của cung đình nhà Nguyễn. Cổng Đông và Tây tuy gọi là cổng song kiến trúc hai tòa phụ này khá đơn giản. Đó là hai cột trụ vuông, trên đắp trụ đầu vuông 2 tầng. Cánh gà một bên ăn vào tường sân đền, một bên bắt vào hồi hành lang, phía trong phát triển thành cửa cuốn tò vò, trên trán xây một biển văn, đỉnh đắp văn hiệu, thành bên dưới soi chỉ thành một bảng văn. Trụ cột cổng soi chỉ kép, dưới đắp tảng vuông, hai mặt trước sau cân câu đối chữ Hán. Bảng văn cổng phía Đông đề hai chữ lớn “Tả Môn”, cổng phía Tây đề hai chữ “Hữu Môn”. Cả hai cửa đều đắp hai cánh gỗ kiểu thượng sơ hạ mật, dưới bung kín, sơn son, trên chạy sóng con bài. Khách sắp lễ thường qua cửa này, còn khách tham quan văn cảnh đi theo cửa Đại Tiền Môn.

#### \*Đại Tiền Môn

Gọi là công, song Đại Tiên Môn là 3 ngôi lầu lớn trải dài 24m, lòng rộng 2m, trung môn cao 8m, tả môn và hữu môn cao 6m. Riêng hai cột đồng trụ góc cánh gà cao tới 5,6m, gương tảng thất cổ bong cao 1,08m, mỗi mặt rộng 1,2m. Phần quả găng cao tới 0,8m, vươn rộng 0,6m. Lòng đèn cao tới 1,1m, rộng 0,9m. Thân trụ cao 2,4m, bề mặt mỗi chiều rộng 1m tạo dáng đứng vững chãi, bề thế không đầu bằng. Phần thân công xây bằng 4 cột trụ lớn: cao 5m, bản rộng 0,6m trên chạy bao lượn hoa, dưới cuốn vòm trổ, tổng cộng 2,4m cao 3m, đủ tầm cao khi rước kiệu không cần phải xuống đôn.

Nghi Môn có tới 252 Hán tự như một bản tóm tắt giới thiệu về đền trước khi chúng ta vào thăm nội tự nổi tiếng kỳ vĩ của di tích đền Đồng Bằng. Hai tòa Tả môn, Hữu môn cách Trung môn 1,35m (ngăn bằng hai tượng phù điêu võ sĩ kim cương) được xây theo kiểu công thành lũy, trên có lầu canh, dưới có tường vây bọc. Bốn góc xây cột trụ bản rộng 0,8m, cửa cuốn vòm, đóng cánh then bài thượng sơ hạ mật.

Qua nghi môn, là khoảng sân chính của nội tự. Đây là một khu sân rộng, lát gạch vuông to từ cổ, là nơi đại tế, là nơi diễn ra những đêm chèo trong lễ hội cổ xưa. Ở hai góc sân rộng có hai bệ thờ lộ thiên thờ quan Hổ. Theo thần tích Vĩnh Công Đại Vương và Tản Viên sơn thánh đều là tướng của vua Hùng. Tản Viên lĩnh ấn tiên quân, Vĩnh Công đảm nhận vai trò của trung quân. Hai tướng hợp sức cầm quân đánh Thục, tình thân như huynh đệ. Người vùng biển luôn nhớ về quê gốc núi rừng, người dân đã lập một ban thờ trước hiên trái hồi Đông để thờ mãnh hổ, biểu tượng sức mạnh của chúa Sơn lâm.

Truyền thuyết đã lý giải vì sao trước cửa đền ngự ban thờ HỔ nhưng chúng ta thấy rằng thờ quan Hổ từ lâu đã trở thành biểu tượng thờ tự trong các thần điện. Hổ linh đã được thần thánh thu nạp, giáo hóa theo chính đạo thành lính canh cửa, đồng thời là sứ giả của thượng thiên, phạt ác. Thờ quan Hổ là một ảnh hưởng của đạo giáo. Qua thềm đá cổ, ta bước vào khu nội tự chính của đền.

\*Tòa đại sảnh

Hiên trước: 7 chạm long vân, tứ quý hóa rồng. Bảy cột hiên tiền thừa toàn bằng đá phiến, đầu thượng soi 2 tầng, tầng chạm mặt hồ phù. Toàn bộ hệ thống của thềm tam cấp được lát bằng 45 tấm đá xẻ bản rộng với diện tích mỗi tấm là 0.4mx 1,2m ghép sát mạch. Ngưỡng cửa, bao ngạch cửa liền tầng đá dài kín mỗi gian, cao 0.5m, bản dày 0.2m soi sọt đúng như ngưỡng ngạch gỗ, soi vỏ măng, chỉ mớ, chạm hoa cúc, hoa sen, vân mây...

Tòa đại sảnh gồm 5 gian đồ sộ, dài 19m, kiến trúc đao tàu chéo góc. Hai bờ đắp nổi hoa chanh, hồi nóc xây trụ đầu, đắp ngọc long, góc hồi đắp lân, ly. Đao cát 3 tầng gồm: long phục, rồng châu, phượng mớm. Giường chạm văn mây, lá lật, đầu chạm hoa sen, 12 đầu dư chạm đầu rồng. Đại sảnh là nơi diễn ra đại tế trong những ngày khai hội cổ xưa. Đây là một công trình kiến trúc đời Nguyễn, mạnh nét đặc trưng của kiến trúc thế kỉ XIX. Nhận biết được niên đại xây dựng tòa đại sảnh là do câu đối ở cột đá ghi rõ: “Khải Định xuất thập niên tu tập Hùng Triều thiên vạn cổ anh linh”. Vế trên của câu đối chỉ rõ niên đại kiến tạo cung Đệ Tam và cung Đại Bái, vào đời vua Khải Định, năm thứ 10 Hoàng Lịch (1925). Vế sau của câu đối giải thích vì sao xây dựng công trình này, đó là để ghi nhớ một trang sử hiển hách, một nhân vật anh hùng từ thời Hùng triều mà hàng vạn năm sau còn vang danh, được người đời ngưỡng vọng. Bước vào cung Đại Bái, khách lễ sẽ choáng ngợp trước những tầng tầng lớp lớp hoành phi, cuốn thư, câu đối, cửa võng, y môn rực rỡ vàng son, chạm khắc tinh xảo đạt đến độ hoàn mỹ tới từng chi tiết.

Dọc hàng cột quân lậu lắp 3 tòa cửa võng lớn. Gian trung tâm cửa dài 3m, diềm cao chia thành 2 phần: trán cửa và diềm võng, diềm võng lại chia thành 3 mảng: thân, võng và diềm. Trán võng gắn trên mặt xà trung trạm lưỡng long châu nguyệt. Thân chia làm 5 ô chạm tùng, cúc, trúc, mai. Dạ cá chạm lưỡng phượng châu đỉnh. Trên thân đỉnh chạm chữ vạn. Hai diềm chạm mai lão, trúc lão hóa rồng: Góc trúc thành đầu rồng, rễ trúc, rễ mai kết thành râu, thành tóc, thành bờm, lá trúc thành vuốt, hoa mai thành mây, thân lão, mai lão cúc uốn khúc thành than rồng uốn lượn làm thành đường biên cửa võng. Chính giữa

cung là tám hoành phi cỡ lớn đề: “Phúc du đồng”. Nhận xét: Với những hoành phi, câu đối, cửa võng, y môn được chạm khắc cầu kì, bằng đủ nghệ thuật chạm rồng, chạm bóng, khắc nổi, sơn son thếp vàng đã đạt đến trình độ tuyệt mỹ của nghệ thuật, kết hợp với cách bài trí trong đền, đây xứng đáng là một bảo tàng nghệ thuật điêu khắc gỗ có niên đại lâu năm hiếm có nơi nào sánh được.

\* Cung đệ tam.

Nếu như cung Đệ Tứ nguy nga, được trang trí lộng lẫy khiến ta như lạc vào chốn cung đình thì cung Đệ Tam bài trí tự nhiên, toát lên sự thanh hư, thoát tục, là cõi tâm linh để tĩnh tại mà chứng nghiệm cái chân, thiện, mỹ. Cung dài 5 gian, cùng chung khẩu độ giàn như tòa Bái Đình. Ba gian giữa làm kiểu lòng thuyền nhị trụ, 2 gian hồi gác mái bằng. Cốn gỗ trở cuốn hình khánh, chạm hổ phù, long, phụng hoặc hoa lá cách điệu. Nếu hàng cột ở cung Đại Bái làm bằng gỗ lim trăm tuổi thì hai hàng cột ở cung Đệ Tam làm bằng đá xanh, gồm 6 cột tròn và 6 cột vuông. 6 cột tròn chạm long vân, long giáng. 6 cột vuông thì chạm thêm câu đối, có thể nói đây là công trình kiến trúc đá quý hiếm ở Thái Bình mà đến nay vẫn còn được bảo lưu nguyên vẹn. Hai tường hồi Đông và Tây bị ép giữa hệ đao hai tòa tiền tế và cung Đệ Tam nên được xây bao lượn thấp chạy song song con tiện, dưới chạy chỉ. Mỗi hồi trở một cửa mạch đóng cánh cửa khay thượng sơ hạ mật, xây bậc tam cấp để đón khách giữa đền và khu hành lang. Cung Đệ Tam cũng chứa đựng nhiều bức hoành phi, câu đối đáng lưu ý. Tiêu biểu là bức cuốn thư chạm nổi treo trang trọng giữa cung. Bức cuốn thư ghi rõ Hoàng Triều Bảo Đại cung tiến (1941). Như vậy, thêm một lần nữa, nội dung của các bức cuốn thư đã ca ngợi công lao của vị thần được thờ tại đền. Đây được coi như một văn bản quan trọng mà triều đình nhà Nguyễn xác định giá trị của đền Đào Động.

\* Cung đệ nhị

Cung Đệ Nhị mở ra một không gian thoáng hơn, rộng hơn, lung linh như sự thăng hoa cảnh sắc. Theo ngọc phả, cung Đệ Nhị được xây dựng từ thời Trần. Tương truyền, sau ngày chiến thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, Hưng

Đạo Vương đã về đền Bái tạ Vĩnh Công đã “âm phù” cho toàn quân được đại thắng. Trần Hưng Đạo xin vua Trần sắc phong, mở mang đền sở to rộng tới cung Đệ Nhị ngày nay. Thời gian đã phá hủy công trình kiến trúc cổ từ thời Trần, công trình hiện đang còn là sản phẩm tái tạo của nhà Nguyễn mô phỏng theo đúng kiến trúc cổ. Phong cách kiến trúc cung Đệ Nhị có phần giống với kiểu trang trí của tòa Bái Đính: xây theo kiểu chèo đao tâu góc. Đại bờ xây đầy đặn, chạy hai tầng chỉ mới. Hồi đắp trụ đầu có ngạc long ngâm đại bờ, chân trước ôm nóc, chân sau đạp bờ cánh, đuôi cuộn tròn thành vòng tròn âm dương. Hai hồi trở 2 cửa sổ cao 1.8m, rộng 1m nhằm lấy ánh sáng cho cung Quan Hoàng và cung Đệ Tứ. Nội thất làm kiểu lòng thuyền tứ trụ, thượng giá chiêng, hạ chông giường, đầu trạm hoa sen, giường chạm hoa lá, đầu chạm rồng. Cung được trang trí 2 tầng cửa võng và đề tài chạm khắc cũng khá phong phú hơn, đủ long châu, phượng múa, nghê hi câu, phượng hàm thư. Bên cạnh các góc đao thụ, lão long còn có cổ thụ, lâu đài, động thiên. Đặc biệt tại tòa Đệ Nhị còn có bức Phượng Thư có “hình chim phượng đăng vân” và bức Ngự thư “cá chép hóa rồng”. Đây là hai kiệt tác nghệ thuật độc đáo có một không hai, chỉ riêng đền Đào Động mới có. Trên hai bức hoành phi này, có các bài thơ, bài minh bằng đồng, thợ chạm khắc chữ riêng, rồi đính vào nền.

Rất tiếc thời gian làm cho mẫu đỉnh bị mòn, chữ đính trên đó bị rơi ra và như vậy nội dung của các bức hoành phi này không thể dịch thuật đúng được. Tuy vậy, chỉ nhìn hình dáng và nền chạm khắc ta cũng thấy những thông tin rất lí thú, độc đáo. Bức thượng thư tạc hình con chim phượng to có mào đang bay, phía dưới có tạc một con phượng non bay theo. Bức thượng thư được đầu tư gia công nghệ thuật rất cao. Dáng chim đầu thanh, mỏ nhỏ, mào to, mắt nhỏ, cổ cao, ức nở, thân thon, 2 cánh vơn trước, sải sau xòe rộng. Đuôi phượng uốn lượn như sóng nước. Bờm cổ lông mượt như nhung. Lông cánh đều như rẻ quạt. Lông đuôi mềm mượt như liễu bay. Đây là bức phượng thư duy nhất có được ở Thái Bình. Bức Ngự thư thể hiện đề tài cá chép hóa rồng, vừa hàm chứa nội dung

chuyện cổ dân gian, cá chép vượt vũ môn, vừa thể hiện lai lịch của đền, và nhân vật thờ tự.

#### \* Cung Đệ Nhất

Là cung thờ vua Cha Bát Hải, nằm tiếp theo sau cung đệ nhị, liền vách với Cấm Cung. Cung Đệ Nhất là một cung quan trọng, khách đến dâng hương tại đền đều phải vào thỉnh cầu đức Vua Cha. Cung Đệ Nhất nhỏ hơn các cung ngoài, chỉ có 3 gian dài 7m, lòng rộng 4.4m, xây kiểu hồi vắn cánh bằng. Nội thất kết cấu thượng giường hạ kê. Các thanh giường, đầu sen, xà, kê, bẩy, đều được sơn son, vẽ vắn mây bằng kim ngũ vàng tạo sự tôn kính đặc biệt với Vua Cha. Cả ba gian đều lắp cửa võng như các tòa ngoài. Các câu đối đều được sơn son thếp vàng. Tuy nhiên cung Đệ Nhất lại toát lên vẻ uy nghiêm, thâm u cô tịch khiến người ta phải cung kính. Bức hoành phi lớn nạm vàng được đặt ở nơi trung tâm đề: “Hồng thiên địa động”. (Có nghĩa là nơi hội tụ tinh hoa của đất trời hồng lạc).

#### \* Cung cấm đền Đồng Bằng

Đây là nơi thâm nghiêm cô tịch nhất của đền, không phải ai cũng được vào bái vọng, dâng hương như những cung ngoài. Vì quanh năm đóng cửa cài then, chỉ dịp mừng 10 tháng giêng dân mới vào làm lễ mộc dục, tuần rằm ông từ mới vào quét dọn và thắp hương, ngày chỉ một lần vào thêm dầu cho vào coi bấc, nên tòa này ít được chạm khắc, chỉ có cửa ra vào được sơn son vẽ rồng vàng, bên trong bài trí sơ sài. Và không cho ai được tự ý vào bên trong đền.

#### **2.1.4. Đối tượng chính được thờ phụng**

Với quan niệm “trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ” nên mỗi làng đều có vị thần bảo hộ riêng cho mình. Ở Việt Nam, hầu hết làng nào cũng có đền, đình, miếu. Thường thì mỗi làng có từ 3 vị thành hoàng đến 6,7 vị thành hoàng tùy thuộc vào làng đấy lớn hay nhỏ, có bao nhiêu nhóm cư dân, từ bao nhiêu quê gốc khác nhau đến, cộng với dân gốc để có số lượng thần tương ứng được thờ. Ví dụ một làng có dòng dân từ khu vực ven ngoại thành Hà Nội về thường thờ Linh Giang đại vương, dân từ Tây Sơn về thường thờ Tản

Viên sơn thánh. Còn có được sự phong phú, hòa trộn giữa việc thờ thần trong phạm vi một làng như vậy là do con người có tâm lý “uống nước nhớ nguồn”, luôn tin tưởng và hướng về vị thần bảo hộ cho mình. Điều đó đã in sâu vào tâm con người cho nên dù đi đâu con người cũng không quên gốc gác và luôn có ý thức giữ gìn, tôn thờ vị thần đó.

Ngôi đền chính xuất hiện nay được thờ thủy thần sông Vĩnh - Vĩnh Công Đại Vương. Sự xuất hiện của ngài trong cuộc sống tâm linh của người dân đến sự thờ phụng là cả một câu chuyện ly kỳ, hấp dẫn như một huyền thoại. Bên cạnh được thờ vua cha thì trong đền Đồng Bằng cũng được phối thờ đó chính là ba vị thánh Mẫu: Mẫu đệ nhất thượng thiên, Mẫu đệ nhị thượng ngàn và Mẫu đẹp tam thoai phủ, mỗi vị cai quản vị vùng lãnh địa riêng để ban lại hạnh phúc cho nhân gian an bình, thái lạc. Dưới 3 vị thánh Mẫu đó chính là vị quan lớn, các bà châu, các vị bà cô, cậu đi theo hầu 3 vị thánh Mẫu được kể trên. Nhưng chủ yếu được thờ tự trong đền vẫn chính là Đức vua cha và 3 vị thánh Mẫu nêu trên được gọi là Tam Tòa Thánh Mẫu.

\* Tiểu sử thần Vĩnh Công Đại Vương.

Sử cũ nói đền Đồng Bằng xưa kia thuộc Vọng Lỗ, huyện Phụ Dực thờ thủy thần Vĩnh Công Đại Vương, tương truyền là thái tử Long cung giáng sinh ở Đào Động phù vua Hùng Duệ Vương dẹp loạn, sau hiển thánh được dân làng thờ. Phàm trong vùng có hạn hán, hoạn trùng, dịch bệnh dân đến kêu cầu, đều rất linh nghiệm. Theo thần tích, có cặp vợ chồng thích làm việc thiện, các việc góp tiền, đúc chuông, tô tượng, sửa chùa không bao giờ là không cúng tiến, luôn giúp người nghèo, cho cơm kẻ đói, sinh sống hòa thuận. Chỉ mỗi hiềm ngoài 40 tuổi mà chưa có con nên tâm trạng nhiều lúc rất buồn. Ông bà thường đi lễ các đền phủ lớn hoặc chu du các danh lam cổ tích và hát lòng chăm lo việc phúc. Một hôm ông bà vẫn cảnh trong Đào Động, bỗng gặp một cô gái đến lạy vái kêu rằng “con là kẻ tha hương, cha mẹ mất sớm không nơi nương tựa. Nay gặp ông bà hiển đức xin động lòng cho con xin về hầu tạ”. Phạm Công, Trần Thị thấy



thiếu nữ tư chất thông minh, nói năng phải đạo liền nhận làm con nuôi và đặt tên là Quý Nương.

Quý Nương càng lớn càng xinh đẹp, đoan trang, hiền thực, công danh, ngôn hạnh nhưng đến 18 tuổi vẫn không nhận lời đính ước của một ai. Một lần Quý Nương ra tắm ở cửa biển, trời đang trong xanh bỗng nhiên trở gió mưa bão âm âm, chớp rất sấm rền và có một con Giao Long thân dài 8 thước hiện hình ôm cuốn lấy nàng. Lát sau trời quang mây tạnh, Quý Nương thấy vậy hết hoảng kinh sợ vội trở về nhà. Rồi cô gái có mang, ở nghén 13 tháng, đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, thẹn nỗi không chồng mà chửa, Quý Nương ra biển, chờ rạ sinh đẻ một mình. Trong một đêm mưa gió nàng sinh ra một cái bọc kỳ lạ, ngạc nhiên và sợ hãi nàng ôm cái bọc thả xuống biển. Hôm đó là ngày mùng 10 tháng giêng năm Đinh Ty, bọc thiêng gặp lúc thủy triều dâng theo dòng nước trôi về trang Đào Động.

Thời bấy giờ ở trang Đào Động có một ông già nghèo khó, đức hạnh tên là Nguyễn Danh Minh (Nguyễn Minh) làm nghề đánh cá bên sông. Đêm ấy buông vó đã sang giờ Tí mà không bắt được con cá nào. Mãi quá nửa đêm kéo vó thấy nặng quá, cố kéo lên thì thấy một bọc đỏ như máu, ông già sợ quá dùng sào đẩy ra, lát sau cất lên lại gặp bèo thiêng, già Nguyễn Minh vái lạy, khẩn nguyện rồi dao rạch bọc ấy ra thì thấy ở trong bọc ngoi ra 3 con hoàng xà (nửa rồng nửa rắn, vảy vàng màu đỏ). Con rắn thứ nhất bời thẳng lên bờ, chui một giếng tự nhiên ở Đào Động rồi mất tích trong đó. Con rắn thứ thì xuôi sông Đào Động. Con rắn thứ ba chạy về khúc sông Hoa Diêm - nơi mà bà Quý Nương sinh ra bọc ấy. Lúc ấy phụ lão nhân dân trong trang Đào Động thấy vậy sợ hãi và cho rằng chắc là thủy thần xuất thế nên làm lễ bái tạ ở khúc sông ấy và khẩn rằng: “nếu là thủy thần xuất thế anh linh thì dân xin làm thần tử và thiết lập đền để thờ”. Từ khi đệ nhất linh tà ngụ tại Đào Động, dân chúng đánh lưới - lưới nhiều cá, cất vó - vó nhiều tôm, công việc làm ăn thuận lợi, cầu gió được gió, cầu mưa được mưa.

Giữa lúc xã tắc thanh bình thì giặc phương Bắc tràn xuống, quân nhà Thục, Ai Lao đem 5 đạo quân đến xâm lăng bờ cõi nước Nam. Các tướng biên thùy chống cự không nổi đều dâng biểu xin cứu viện vua cho thêm tướng giỏi, quân Đông đi cứu nguy vẫn bị thua trận, ngày càng nguy cấp - vua Hùng bèn lập đàn là đảo thiên địa bách thần đến giờ Tí ngày thứ 3 vua nằm mơ thấy sứ giả nhà trời cười mây hạ đàn bảo rằng: “giặc ấy là giặc to nhưng đã có hoàng thiên giúp, đã sai 3 vị thủy thần giáng sinh.

Một vị ở làng Hoa Diêm huyện Thụy Anh, một vị ở trang Thanh Do, một vị ở trang Đào Động nhưng còn ẩn mình là răn xin vua sai sứ giả đến những trang ấy triệu thì răn biến thành người để cùng đức Sơn Thánh đi bình định giặc ấy”. Đức vua tỉnh dậy một mặt sai sứ giả đi triệu Tản Viên Sơn Thánh, một mặt cử sứ giả đến vùng biển về Đào Động trang để mời đức thủy thần. Sứ giả vừa tới đầu trang áp thì thấy gió thét mưa gào, sấm chớp vang trời, nước cửa sông Vĩnh tràn lên, nước sông cuộn sóng và một vị thủy thần cười sóng giữ nói lớn “ta là thủy thần sông Vĩnh, tuệ là Vĩnh Công, chờ sứ giả ở đây”. Sứ giả vui mừng khôn xiết rước thần về kinh đô. Vĩnh Công triệu hương lão, trai tráng Đào Động chọn lấy 9 chàng trai khỏe mạnh nhất xin làm ra thần thủ túc, lại cùng sứ giả xuôi xuống Thanh Do, Mai Diên đón hai em là đệ nhị linh xà về kinh vái yết vua. Vua thấy ba ông thân người, đầu cá, dáng vóc như rồng, tiếng nói như sấm, lực địch vạn người, bàn mưu tính kế như thần thì cả mừng.

Thần Vĩnh Công làng Đào Động là vị nhị linh xà đi đến đâu các loài ba ba, thường luồng và muôn trùng thủy tộc đều theo sóng cồn cùng ra đảo, chỉ đánh vài trận quân Thục phải quy hàng. Phía rừng núi, thần Tản Viên cũng giành chiến thắng lớn. Hai ông làm biểu tiếp báo về Kinh, vua cho hai đạo quân được ca khúc khải hoàn. Một hôm, Vĩnh Công mời hương lão đến nhà dặn rằng: “ta cùng các vị là dân lân dân ấp, ăn ở với nhau tình như ruột thịt, nghĩa như cha con. Nay ta đã vâng mệnh về hầu Vua cha Long Vương. Nếu có nhớ đến ta thì lấy nhà ta làm miếu thờ, ngày ta đi làm ngày giỗ”. Dặn xong bỗng trời đất tối

sầm, sầm chớp dữ dội, lát sau trời quang mây tạnh, nhân dân trông vào chỗ ngồi của ông thì ông đã hóa rồi, chỉ còn lại áo xiêm của thân.

Hôm ấy là ngày 25/8 năm Mậu Thìn. Nhân dân thấy thế làm lạ, dâng biểu tâu vua. Vua ban phong mỹ tự, Trấn Tam Kỳ giáng linh ứng Vĩnh Công Đại Vương Bát Hải Động Đình, lại cấp cho nhân dân Đào Động 400 quan tiền lo việc tang lễ tu sửa lều tranh của vị thần Vĩnh Công thành miếu điện, hạ sắc miễn thuế cho dân lấy lộc thờ thần và lấy ngày 10 tháng giêng là ngày sinh nhật ngài, ngày 25/8 là ngày hóa nhật ngài. Từ cuối thế kỉ XII, đền Đào Động còn là nơi tưởng niệm Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng các danh tướng hoàng thân quốc thích nhà Trần có công lớn trong 3 lần đại phá quân Nguyên Mông lập nên 8 trang Đào Động xưa.

\*Truyền kỳ tam tòa thánh Mẫu.

Tiếp theo đó chính là Tam Tòa Thánh Mẫu mà ta thường thấy trên các ban thờ gồm 3 ngôi của 3 vị Thánh Mẫu khác nhau: Đệ Nhất Thượng Thiên, Đệ Nhị Thượng Ngàn và Đệ Tam Thoải Phủ.

Mẫu Đệ Nhất Thượng Thiên.

Mẫu thượng thiên hay dân gian còn gọi là Mẫu Liễu Hạnh. Bà vốn là con vua Ngọc Hoàng có tên là Đệ Nhị Quỳnh Hoa công chúa với sự tích 3 lần giáng sinh xuống cõi trần.

+ Lần thứ nhất bà giáng vào nhà họ Phạm ở Quảng Nạp, Vĩnh Nhuế, Ý Yên Nam Định. Bà có tên Phạm Tiên Nga và hưởng thọ 40 tuổi.

+ Lần thứ hai bà giáng vào nhà họ Lê ở An Thái, Vụ Bản, Nam Định. Bà kết duyên cùng Trần Đào Lang, đến năm 21 tuổi thì về trời.

+ Lần thứ ba bà giáng hiện tại Nga Sơn, Thanh Hóa hạ trần để tái hợp cùng Mai Sinh là hậu kiếp của Trần Đào Lang được hơn một năm thì mãn hạn hồi tiên.

*Lần giáng sinh thứ nhất*

Vào đầu thời nhà Hậu Lê, tại ấp Quảng Nạp, xã Vĩnh Nhuế, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam; có ông Phạm Huyền Viên, người xã La Ngạn

kết duyên cùng bà Đoàn Thị Hằng, người ấp Nhuế Duệ, cũng xã Vi Nhuế (nay là thôn Vi Nhuế, xã Yên Đồng, Ý Yên, tỉnh Nam Định).

Hai ông bà là những người hiền lành, tu nhân tích đức nhưng hiềm một nỗi đã ngoài 40 mà chưa có con. Một đêm rằm tháng hai, ông bà được thần báo mộng là Ngọc Hoàng sẽ cho con gái thứ hai là Công chúa Hồng Liên đầu thai làm con, từ đó bà có thai. Trước khi sinh, vào đêm ngày 6 tháng 3 năm Quý Sửu, trời quang mây vàng như có ánh hào quang. Ông Huyền Viên ngồi đợi tin mừng, bỗng như có một nàng tiên từ trong đám mây bước xuống thêm nhà, và bà sinh một bé gái. Vì vậy ông đặt tên con là Phạm Tiên Nga.

Phạm Tiên Nga càng lớn càng xinh đẹp, mọi việc nữ công gia chánh đều thành thạo, đảm đang. Đến năm 15 tuổi đã có nhiều người đến dạm hỏi nhưng nàng đều khước từ vì nàng còn phải ở nhà chăm sóc cha mẹ già yếu, quán xuyến công việc gia đình.

Năm 1462, cha của nàng qua đời. Hai năm sau mẹ của nàng cũng về nơi tiên cảnh. Phạm Tiên Nga đã làm lễ an táng cha mẹ ở phía đông nam phủ Nghĩa Hưng (nay là thôn La Ngạn, ở đây có đền thờ cha và mẹ của Phạm Tiên Nga). Sau ba năm để tang cha mẹ, lo mồ yên mả đẹp, Phạm Tiên Nga bắt đầu chu du khắp nơi làm việc thiện (lúc này Tiên Nga vừa tròn 35 tuổi). Bà đã ủng hộ tiền của và công sức giúp dân đắp đê ngăn nước Đại Hà từ bên kia phía núi Tiên Sơn (nay là núi Gôi) đến Tịch Nhi (nay chính là đường đê Ba Sát, nối Quốc lộ 10 chạy dọc xã đến ngã ba Vọng. Đây cũng chính là con đường nối di tích Phủ Dầy với Phủ Quảng Cung). Cùng với việc đắp đê, bà còn cho làm 15 cây cầu đá, khơi ngòi dẫn nước tưới tiêu, khai khẩn đất ven sông, giúp tiền bạc cho người nghèo, chữa bệnh cho người ốm, sửa đền chùa, cấp lương bổng cho các vị hương sư, khuyên họ cố sức dạy dỗ con em nhà nghèo được học hành.

Năm 36 tuổi, bà đến bờ Sông Đồi dựng một ngôi chùa trên mảnh vườn nhỏ, đặt tên là Chùa Kim Thoa. Bên trên thờ đức Nam Hải Quan Thế Âm Bồ Tát, bên dưới thờ cha và mẹ. Sau đó hai năm, bà tới tu sửa chùa Sơn Trường – Ý Yên, Nam Định, chùa Long Sơn – Duy Tiên, Hà Nam, chùa Thiện Thành ở Đồn xá –

Bình Lục, Hà Nam. Tại chùa Đôn xá, Bà còn chiêu dân phiêu tán, lập ra làng xã, dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1472), bà trở lại chùa Kim Thoa, và tháng 9 năm ấy, Bà trở về quê cũ cùng các anh chị con ông bác tu sửa đền thờ Tổ họ Phạm khang trang bề thế (nay còn đền thờ ở phía nam xóm Đình thôn La Ngạn). Sau đó Bà lại đi chu du ở trong hạt, khuyên răn bà con dân làng những điều phải trái. Rồi trong đêm ngày 2 tháng 3 năm Quý Tỵ, thời Hồng Đức (1473), trời nổi cơn giông, gió cuốn, mây bay, Bà đã hoá thân về trời. Năm đó Bà vừa tròn 40 tuổi. Các đền phủ liên quan đến lần giáng sinh thứ hai: Ngay sau khi bà mất, nhân dân xã La Ngạn, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng đã lập đền thờ trên nền nhà cũ, gọi là Phủ Đại La Tiên Từ, Đồng thời quê mẹ của Bà là xã Vi Nhuế cũng lập đền thờ để tưởng nhớ công lao của bà, gọi là Phủ Quảng Cung.

#### *Lần giáng sinh thứ hai*

Vì thương nhớ cha mẹ và quê hương ở cõi trần mà đến thời Lê Thiên Hựu, năm Đinh Tỵ (1557), bà lại giáng sinh lần thứ hai làm con ông Lê Thái Công và bà Trần Thị Phúc tại thôn An Hải, xã Vân Cát, huyện Thiên Bản, hạt Sơn Nam Hạ (nay là Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định, cách quê cũ Vi Nhuế chừng 7 km). Do ông Lê Thái Công nhìn mặt con, thấy nét mặt giống nàng tiên nữ bưng khay rượu trong bữa tiệc chúc thọ Ngọc Hoàng mà ông mơ trước đó nên đặt tên cho con là Lê Giáng Tiên.

Lần này, Bà kết duyên với ông Trần Đào Lang, sinh được một người con trai, tên là Nhân, một con gái tên là Hoà. Giữa lúc cả gia đình đang đầm ấm vui vẻ thì bỗng nhiên. Bà mất ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu, thời Lê Gia Thái thứ 5 (1577). Năm ấy, Bà mới 21 tuổi, tuyệt nhiên không bệnh tật gì. Lãng mộ và đền thờ ở Phủ Dầy, thôn Thiên Hương – Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Nam Định.

Giáng Tiên về trời đúng hạn định theo lệnh của Ngọc Hoàng. Nhưng khi nàng đã ở trên trời thì lòng trần lại canh cánh, ngày đêm da diết trong lòng nỗi nhớ cha mẹ, chồng con nên nàng muốn xuống trần gian lần nữa. Khi về đến nhà

vừa đúng lúc gia đình đang làm giỗ mãn tang cho nàng, mọi người đều hết sức ngạc nhiên và vô cùng sung sướng. Nàng ôm lấy mẹ mà khóc, rồi kể hết sự tình, dặn anh hãy gắng lo chăm sóc cha mẹ, vì lần này xuống trần nàng không thể ăn ở như lần trước, rồi trở về nhà chồng. Liễu Hạnh gặp chồng, con cái mừng mừng tủi tủi. Nàng cũng kể rõ mọi chuyện cho chồng biết, khuyên chồng hãy cố gắng luyện chí, yên tâm theo đuổi sự nghiệp công danh, đừng quên chăm sóc con thơ, phụng dưỡng cha mẹ. Nàng quét dọn, sửa sang nhà cửa, may vá quần áo cho chồng cho con, rồi bỗng chốc lại thoát biến lên mây... Cứ như thế, thỉnh thoảng nàng lại hiện về, làm xong các việc rồi lại biến đi. Ròng rã hàng chục năm sau, cho đến khi con cái khôn lớn và Đào Lang công thành danh toại, nàng mới từ biệt để đi chu du thiên hạ.

Các đền phủ liên quan đến lần giáng sinh thứ hai: Ngụy nga nhất là quần thể Phủ Dày với các đền phủ chính là: Phủ Công Đồng, Phủ chính Tiên Hương, Phủ Vân Cát, Phủ Bồng, Phủ Giáp Ba, Phủ Tô, Đền Khởi Thánh và Lăng Mẫu....

#### *Lần giáng sinh thứ ba*

Vì tình nghĩa thủy chung với chồng con ở trần thế nên đến thời Lê Khánh Đức thứ 2 (1650), bà vân du đến làng Tây Mỗ, xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, vào ngày 10 tháng 10 năm Canh Dần, tái hợp với ông Trần Đào lúc này đã tái sinh là Mai Thanh Lâm, sinh được một con trai tên là Côn. Bà mất ngày 23 tháng Chạp năm Mậu Thân, thời Lê Cảnh Trị thứ 6 (1668). Năm ấy bà vừa 18 tuổi. Đền thờ bà ở Phủ Sòng Sơn, Thanh Hoá.

Các đền phủ liên quan đến lần giáng sinh thứ ba: Đền Đồi Ngang ở Phố Cát, Đền Mẫu Sòng thuộc Thanh Hóa.

Mẫu thượng thiên cai quản miền trời. Mẫu Thượng Thiên trong quan niệm của dân gian về Tứ Pháp gồm có: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lô, đó là 4 vị nữ thần tạo ra mây, mưa, sấm, chớp liên quan tới văn hóa nông nghiệp lúa nước. Đền thờ Mẫu thượng thiên có ở khắp mọi nơi nhưng các nơi chính vẫn

là những nơi Mẫu giáng trần hoặc hiển linh lưu dấu thánh tích. Ngày hội chính của Mẫu là ngày 3/3 âm lịch.

Tượng Mẫu Thượng Ngàn (còn gọi là Mẫu Đệ Nhị)

Mẫu Thượng Ngàn còn gọi là Mẫu Đệ Nhị hay Mẫu Đệ Nhị Thượng Ngàn bởi Mẫu đứng thứ hai trong Tam Tòa Thánh Mẫu.

Mẫu Thượng Ngàn có rất nhiều tên gọi như: Diệu Tín Thiên sư, Lê Mại Đại Vương, Đông Công Công chúa, Lâm Cung Thánh Mẫu, Mẫu Đệ nhị Nhạc Phủ, Sơn Tinh công chúa...

Mẫu Thượng Ngàn được thờ chủ yếu tại vùng rừng núi. Có thể nói, ở đâu có rừng núi thì ở đó có đền thờ Mẫu Thượng Ngàn. Có ba nơi được coi là nơi thờ chính là Bắc Lệ (Lạng Sơn), Suối Mỡ (Bắc Giang) và Đông Công (Yên Bái). Tuy vậy, ba nơi này lại lưu giữ những truyền thuyết có phần khác nhau về Mẫu Thượng Ngàn.

Trong các ngôi đền thờ chính của Mẫu Thượng Ngàn như: Đền Đông Công, đền Suối Mỡ, Đền Công Đồng Bắc Lệ thì Đền Đông Công là nơi Mẫu được vua Lê sắc phong Lê Mại Đại Vương. Nếu đặt trong tương quan so sánh với đền Bắc Lệ và Suối Mỡ thì đền Đông Công có vị trí quan trọng nhất, là nơi thờ chính Mẫu Thượng ngàn.

Căn cứ theo truyền thuyết và các bản văn châu thì đền Bắc Lệ chính là nơi Lâm Cung Thánh Mẫu hiển linh, âm phủ; đền Suối Mỡ là thắng tích lưu lại dấu vết bà tu tiên luyện đạo, còn đền Đông Công (Yên Bái) là nơi bà giáng sinh và ngự.

Dưới đây là các thần tích về Mẫu Thượng Ngàn:

Thần tích Mẫu Thượng Ngàn tại đền Suối Mỡ Mẫu Thượng Ngàn được thờ ở Suối Mỡ là My Nương Quế Hoa công chúa, con của Vua Hùng Định Vương và hoàng hậu An Nương. Theo sự tích khi sinh bà ra, Hoàng Hậu đau quá phải vịn vào cành quế mới sinh hạ được bà nên Vua Hùng Vương mới đặt tên cho bà là Quế Hoa công chúa. Lớn lên, Quế Hoa luôn nhớ thương mẹ nên đã đi vào rừng sâu để tìm dấu vết người mẹ hiền. Nàng được tiên ông ban cho phép thuật

nên đã cùng 12 thị nữ ra sức tu tiên luyện đạo, cứu giúp dân lành. Khi nhân dân các bản mường đã có cuộc sống no ấm, My Nương Quế Hoa cùng 12 thị nữ bay về trời trên đám mây ngũ sắc.

Tại khu du lịch tâm linh Suối Mỡ có 3 ngôi đền đều là nơi thờ của Quế Hoa Công Chúa: Đền Hạ – còn gọi là đền Công Đồng Suối Mỡ, đền Trung và đền Thượng.

Thần tích Mẫu Thượng Ngàn ở đền Bắc Lệ Ở đền Bắc Lệ lại lưu truyền câu chuyện Mẫu Thượng ngàn là công chúa La Bình. La Bình Công chúa là con gái của Sơn Tinh (tức Tản Viên Sơn Thánh) và My Nương. Tức La Bình là cháu ngoại của Vua Hùng. Lúc còn nhỏ, La Bình thường được cha cho đi cùng, đến khắp mọi nơi, từ miền núi non hang động đến miền trung du đồi bãi trập trùng để dạy dân săn bắn, chăn nuôi, trồng cây, cấy lúa, làm nhà, làm thuốc chữa bệnh... Đó luôn luôn được theo cha như thế nên La Bình cũng học hỏi được rất nhiều điều. Vốn thông minh sáng dạ, lại chăm chỉ thực hành nên việc gì La Bình cũng biết, cũng giỏi. Những khi Sơn Tinh bận việc hay không thể đi khắp những nơi mà dân chúng cần đến thì La Bình thường được cha cho đi thay. Những lần như thế, La Bình luôn tỏ ra là một người đầy bản lĩnh, biết tự chủ trong giao tiếp, lại cũng biết thành thạo trong mọi công việc. Các sơn thần, tù trưởng đặc biệt quý trọng nàng, coi nàng là người đại diện xứng đáng của Sơn Thánh.

Khi Tản Viên và My Nương, theo lệnh của Ngọc Hoàng Thượng đế trở về trời thành hai vị thánh bất tử thì La Bình cũng được phong là Công chúa Thượng Ngàn, thay cha đảm nhận công việc dưới trần, nghĩa là trông coi tất cả 81 cửa rừng và các miền núi non hang động, các miền trung du đồi bãi trập trùng của nước Nam.

Thần tích Mẫu Thượng Ngàn ở đền Đông Công Theo ghi chép của Lê Quý Đôn trong “Kiến văn tiểu lục” thì ngôi đền Mẫu Đông Công ngày nay, trước đây thờ Đông Quang công chúa nổi tiếng anh linh. Đông Quang Công chúa là Lê Thị Kiểm. Bà là vợ của ông Hà Văn Thiên, người Tày Đông Công được triều đình giao cho cai quản Đông Công. Như vậy, Mẫu Thượng Ngàn nơi đây



đã được hình tượng hóa bởi một nhân vật có thật trong lịch sử đó là Đông Quang Công Chúa. Nơi đây, bà Lê Thị Kiểm được hóa thân vào Mẫu Thượng Ngàn. Trong niềm tin tâm linh của những con nhanh đệ tử đạo Mẫu thì đền Đông Cuông có vị trí vô cùng quan trọng, được coi là nơi ngự chính và nơi giáng sinh của Mẫu Thượng ngàn.

Đền Đông Cuông còn có tên là Đền Thần Vệ quốc theo sắc phong của triều đình Nguyễn. Cũng tại nơi đây, vua Lê Thái Tổ đã phong Bà là Lê Mại Đại Vương, sau khi Bà đã phù cho vua Lê đánh giặc.

Như vậy, nếu Mẫu Thượng Ngàn ở Bắc Lệ (Lạng Sơn) là công chúa Quế Hoa, ở Suối Mỡ (Bắc Giang) là Công Chúa La Bình thì ở Đông Cuông, Mẫu Thượng ngàn là Lâm Cung Thánh Mẫu vừa là bậc tối tú anh linh, quyền cao tối thượng vừa gần gũi, bình dị trong hình hài một người vợ, người mẹ trần thế có lai lịch, gốc tích rõ ràng.

Đền thờ chính của Mẫu Thượng Ngàn: Đền thờ Mẫu Thượng Ngàn có ở khắp mọi vùng, nơi nào có rừng núi thì đều có đền Mẫu Thượng. Nhưng nổi tiếng bậc nhất vẫn là cụm di tích Đền Đông Cuông, Đền Vọng Đông và Đền Tuần Quán tại Yên Bái (là nơi Mẫu giáng làm con gái nhà tù trưởng họ Cao). Tiếp nữa có Đền Công Đồng Bắc Lệ và Đền Thất Khê tại huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn, tương truyền là nơi vua Lê Thái Tổ lập để ghi nhớ công ơn Mẫu giúp vua. Ngoài ra còn có Đền Suối Mỡ thuộc Bắc Giang (xưa thuộc Hà Bắc, là nơi dấu tích của Mẫu khi xưa học đạo), Đền Tam Cờ trên tỉnh Tuyên Quang, Đền Mẫu Thượng thuộc thị xã Lào Cai.

#### Mẫu Đệ Tam Thoải Phủ

Đệ Tam còn gọi là Mẫu Thoải. Chữ Thoải là đọc chệch của chữ Thủy. Mẫu Thoải tức là Mẫu Thủy hay còn gọi là Thủy Cung Thánh Mẫu. Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn đã ra đời từ rất lâu trước cả Mẫu Liễu Hạnh. Trong Tam Tòa Thánh Mẫu, Mẫu Thoải đứng thứ ba.

Mẫu Thoải cùng như Mẫu Thượng Ngàn có nhiều thần tích khá khác nhau, không được thống nhất như Mẫu Liễu Hạnh. Dưới đây người viết liệt kê một số truyền thuyết về thân thế của Mẫu Thoải để các bạn tham khảo.

Các truyền thuyết Mẫu Thoải là con gái vua Thủy Tề (Long Vương)

Có hai truyền thuyết Mẫu Thoải xuất thân là con gái của Long Vương:

Truyền thuyết từ vùng Thái Bình, Nghệ An: Từ thừa hồng hoang, thời mở mang đất nước, vua Kinh Dương Vương đi chu du khắp nơi. Rồi một ngày kia, nhà vua gặp một người con gái nhan sắc tuyệt trần và đã lấy nàng làm vợ. Nàng chính là con gái của Long Vương. Sau này bà đã sinh ra Sùng Lãm chính là vua Lạc Long Quân. Vì nàng là con gái Long Vương nên được làm nhiệm vụ cai quản vùng sông biển, ao hồ.

Truyền thuyết tại vùng Nghệ An cho biết thêm hai người đã gặp nhau bên bờ sông Lam ngày nay, ngày xưa gọi là sông Thanh Long.

Truyền thuyết Mẫu Thoải ở đền Dùm – Tuyên Quang; Đền Dâm, Đền Xâm Thị – Thường Tín – Hà Nội: Theo truyền thuyết này thì Mẫu Thoải cũng xuất thân là con gái của Vua Thủy Tề, nhưng không thấy nhắc đến hai vợ chồng sinh ra Lạc Long Quân:

Mẫu Đệ Tam vốn là con gái Vua Thủy Tề, ở chốn Long Cung. Bà kết duyên cùng Kính Xuyên (là con Vua Đất). Khi Kính Xuyên đi vắng, bà ở nhà khâu vá, chẳng may kim đâm vào tay chảy máu, lấy tấm vải lụa trắng để thấm máu. Thảo Mai, tiểu thiếp của Kính Xuyên, vốn đã sinh lòng đố kị từ lâu, nhân cơ hội đó giấu tấm lụa đi, đến khi Kính Xuyên về, Thảo Mai lấy ra rồi vu oan cho bà ở nhà đã cắt máu thề nguyện để tư thông cùng kẻ khác. Kính Xuyên không nghe lời thanh minh, ghen tuông mù quáng, một mực bắt đóng cũi bỏ bà lên rừng cho thú dữ ăn thịt. Ở nơi rừng núi, bà được muôn loài quý mến, dâng hoa quả nước uống cho bà. Đến một ngày kia thì bà gặp được Liễu Nghị, vốn là thư sinh quê đất Thanh Miện nhờ tập ấm cha mẹ để lại nên đèn sách chuyên cần. Hôm đó trên đường đi thi thì chẳng may bị lạc vào nơi bà bị đày ải. Thấy bà vậy, Liễu Nghị đến hỏi han, sau khi biết rõ sự tình, Liễu Nghị nhận giúp đỡ bà. Bà đã

viết thư nhờ Liễu Nghị mang về đến chốn Long Cung để vua cha thấu hết sự tình rồi sẽ định liệu sau. Theo lời bà, Liễu Nghị ra đến sông Ngân Hán, là mái Long Giai ngoài biển Đông, thấy có cây ngô đồng, Liễu Nghị rút cây kim thoa, gõ vào cây ba lần. Tức thì gió giạt mưa sa, biển động âm âm, giữa dòng thấy hiện lên đôi bạch xà, Liễu Nghị bèn trình bày mọi việc, đôi bạch xà vâng lệnh đưa Liễu Nghị xuống Thủy Cung. Tại đây, Liễu Nghị trao cho Vua Thủy Tề bức thư và kể hết mọi chuyện. Vua cha tức giận, sai người đi bắt Kính Xuyên và Thảo Mai, còn truyền cho Trương Tử Xích Lân lên đón bà về. Sau đó bà được rước về Thoải Phủ, kết duyên cùng Liễu Nghị, người được giao cho chức Quốc Tế Thủy Quan.

### ***2.1.5. Quá trình hình thành và phát triển đạo Mẫu tại đền Đồng Bằng***

Đền Đồng Bằng đã tồn tại và trải qua nhiều biến cố của lịch sử và cũng là di sản văn hóa của tỉnh Thái Bình, là niềm tự hào của người dân An Lũ. Ngôi đền có bề dày lịch sử này chứa đựng cả một bảo tàng kiến trúc đồ gỗ đồ sộ, đặc sắc. Trong quyển “Tư điền di tích văn hóa Việt Nam” được tổng hợp tư liệu từ các thư tịch Hán Nôm cổ cho biết đền Đồng Bằng xưa chỉ là một cái miếu nhỏ, tên Đào Động ở “thôn Đào Động, tổng Vọng Lỗ, huyện Phụ Dực”. Theo quan niệm dân gian và người dân địa phương truyền tai nhau mà kể lại rằng: tương truyền, vào đời vua Hùng Vương thứ 18, nước nhà bị giặc ngoại bang xâm lấn. Triều đình đã phải lập đàn triệu linh sơn tú khí về giúp sức dẹp giặc. Thủy thần làng Đào Động đã ra phò vua dẹp giặc và có công đầu trong việc trấn giữ tám cửa biển phía Tây. Đất nước trở lại thái bình, từ đó vùng đất này đã trở thành nơi địa linh được người dân cả nước ngưỡng vọng. Sau khi ông mất vua đã cho tiền sửa sang phủ đệ thành đền cho dân thờ phụng.

Thời nhà Lý, vua Lý Thái Tông năm Thiên Thành thứ 4, khi đi kinh lý về vùng duyên hải đã đến thăm quần thể di tích của đền, vua khen Đào Động đứng đầu trong “Tứ cố danh thắng”. Thời vua Lý Nhân Tông năm Thiên Thuận thứ 5 (1132) vua tái phong cho Vĩnh Công, cho xây dựng và mở mang đền sở. Theo tương truyền, thì khi ấy đền mở rộng đến cung Đệ Nhất hiện nay.

Thời nhà Trần, Đào Động là nơi tập trung binh sỹ, rèn luyện binh đao của vua tôi nhà Trần. Trong dân gian còn lưu truyền câu ca: “An Lễ là đất địa linh, Là nơi rèn tướng, luyện binh nhà Trần”. Như vậy, ngôi đền nổi tiếng linh thiêng đã gắn với những chiến công của vua tôi nhà Trần bởi giá trị tâm linh, có kết cộng đồng lớn. Người xưa kể lại, để yên lòng dân, tại đây Trần Hưng Đạo đã cho đúc hai đồng tiền, vua lễ xong và gieo đài thì trăm lần đều thuận âm dương, có nghĩa là “trên thuận ý trời, dưới thuận lòng dân”. Vì thế mà sau chiến thắng quân Nguyên, Trần Hưng Đạo đã về tế tại đền để cảm tạ Vĩnh Công đã âm phù chiến thắng và chu cấp tiền bạc cho dân xây dựng, mở rộng ngôi đền cùng với đó chính là tín ngưỡng thờ Mẫu tại ngôi đền được đưa vào bên trong đền và thờ tự. Với những đường nét hoa văn khắc, chạm trổ tinh tế, những hoành phi câu đối sơn son thếp vàng làm cho ngôi đền vừa toát lên sự thanh tao, thoát tục, vừa trầm mặc, cổ kính. Tồn tại song song với những biến đổi của lịch sử, trải qua các triều đại, sự tàn phá của thiên nhiên, giặc giã hoành hành, ngôi đền đã tu sửa kiến tạo nhiều lần song giá trị và ý nghĩa lịch sử của ngôi đền không vì thế mà giảm đi, sự hiện đại hòa vào cái cổ kính đã làm tăng thêm sự độc đáo, phong phú của ngôi đền.

## **2.2. Lễ hội và các hoạt động chính diễn ra tại đền Đồng Bằng**

Đối với phần lễ hội được diễn ra tại đền Đồng Bằng là một nơi thờ tự linh thiêng, không chỉ như thế người ta còn thấy được những hoạt động nổi trội khi diễn ra ở đây cũng hết sức là đặc sắc và để lại nhiều ấn tượng cho những du khách khi đến với lại đền Đồng Bằng. Lễ hội Đền Đồng Bằng mang nhiều nét ý nghĩa đặc sắc, thể hiện được tính linh thiêng của ngôi đền mà còn thấy được rằng bên trong còn mang tính chất anh hùng dân tộc của những người Việt, với những trò chơi như đấu vật, đua thuyền,..v...v. Và hội chính ở đền Đồng Bằng diễn ra vào tháng 8 âm lịch hàng năm, cùng thời điểm với nhiều đền thờ các vua cha khác trong cả nước.

+ Lịch trình lễ hội.

Khách về lễ ở đền Đồng Bằng thường kéo dài từ 15 tháng 7 đến hết tháng 8, đông nhất là từ 15 đến 30 tháng 8. Song chương trình lễ hội ghi trong hương ước điển lệ bản đền chỉ gồm 7 ngày: Từ 10 - 26 tháng 8.

Ngày 20: Treo cờ kết hoa, dựng cột cờ đại, kéo cờ hội, đem cờ ngũ hành giàn hàng cấm trước cửa đền, hương lão vào đền dâng lễ cáo yết.

Ngày 21: Làm lễ nghinh giá, rước kiệu từ đền ra đình Bơi, tổ chức hạ trải thi vòng loại bơi trải.

Ngày 22, 23, 24: Thi tứ kết, bán kết, chung kết bơi trải.

Ngày 25: Thi giao chạ bơi trải với làng Cao Nội - Hải Dương và tổ chức đại tế ở đền.

Ngày 26: Lễ tạ.

+ Lễ vật dùng trong hội đền.

Trong 7 ngày lễ, nghi thức bày lễ đơn giản, chỉ có một mâm ngũ quả, nhất thiết phải có: Chuối, cam, hồng, bưởi, nhãn. Chỉ khác là đền lớn, mâm bông to nên phải chọn quả to, sẫm nhiều nải, nhiều chùm, nhiều quả. Riêng bưởi chỉ chọn 1 quả thật lớn. Hoa thờ dùng toàn huệ trắng, không nhận loại khác.

### ***2.2.1 Các hoạt động trong phân hội***

*Các trò thi trong lễ hội đền.*

1. Đua thuyền (tính thiêng liêng xưa đã bị cạn mòn, nay chỉ mang nặng tính thi đấu thể thao)

Hội đua thuyền ở làng Đào Động nổi tiếng khắp cả vùng, được tổ chức trong suốt 5 ngày lễ. Để chuẩn bị cho hội thi, trai bơi của các giáp phải luyện tập trước đó hàng tháng. Lịch trình thi trong ngày hội đã được ghi thành điển lệ:

Ngày 22: Buổi sáng bốc thăm chia bảng

Buổi chiều hạ trải bắt đầu bơi thao diễn.

Ngày 23: Thi trải thuộc bảng 1.

Ngày 24: Thi trải thuộc bảng 2.

Mỗi bảng chọn ra một trải nhất, nhì và chung kết.

Ngày 25: Bốn trải nhất, nhì của 2 bảng thi tiếp để chọn ra trải nhất, nhì, ba.

Ngày 26: Ba trái thắng sẽ được đi giao đầu với 3 trái của làng Cao Nội, huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương.

Tục giao đầu giữa hai làng này được giải thích là nó có bắt nguồn từ thời Trần với lời kể là: “Vào thời Trần, có 2 người trong đội quân đánh giặc ở vùng cửa biển, khi giặc tan họ chia tay ở quán nước làng Nuôi. Một người ở lại phủ Nội chiêu dân lập ấp, một người trở về Đào Động khai khẩn đất đai lập lên 8 trang ở vùng cửa biển. Để ghi nhớ tình chiến hữu nơi trận mạc, 2 người kết nghĩa anh em, sau dân 2 làng kết họ với nhau, hàng năm 2 làng tổ chức đua thuyền trong dịp hội...”. Theo một số nhà nghiên cứu thì ý thức của người dân trong việc đưa câu chuyện gắn với nhà Trần vào đền là tạo sự linh thiêng hơn cho di tích. Đó cũng là sự hội nhập tất nhiên của lịch sử.

## 2. Thi vật.

Sới vật làng Đào Động đặt cạnh cầu Vật, trên khoảng đất rộng gần 200m<sup>2</sup>, trước cửa đền Quan lớn đệ Bát. Theo quy định, sới hình tròn, đường kính khoảng 4m, xung quanh đắp đất thành bệ, cao 0,6. Khách xem vật có thể đứng xung quanh sân hoặc trên đê Đại Năm nhìn vào.

Không thành quy định, song các thôn đều vận động trai tráng khoẻ nhất ra thi thố tài năng, đô thiên hạ ít về giao đầu trong hội. Hội đền Đồng Bằng còn nhiều trò chơi khác như múa gậy, đánh cờ tướng, thi tổ tôm điếm, múa kỳ lân, sư tử... như nhiều làng khác.

### **2.2.2 Các hoạt động trong phân lễ**

+ Lễ tế thần.

Tương truyền đền Đồng Bằng là “Quốc miếu linh từ” nên bộ Lễ phải cử quan về tế, bộ Lễ không về được thì cũng uỷ quyền cho các quan hàng phủ về làm chủ tế. Tiếng là bộ Lễ, quan Trấn, quan Phủ về tế, song các quan chỉ đi người không còn đồ lễ đều do dân sở tại phải sắm. Sau do việc quan trên về dân phải cung đốn phục dịch vật vả, quà đưa, cỗ biếu tốn kém, nên từ năm 1937 lý dịch làng Đào Động đã trình tri huyện Phụ Dực, tri phủ Thái Ninh và tổng đốc Thái Bình xin để bản xã tự tế.

Quan viên tế gồm có 12 thành viên gồm: 1 quan mạnh bái, 1 độc chúc, 1 thông xướng, 1 hoạ xướng và 8 bồi tế viên, tất cả đều mặc áo thụng, buộc khuy, may bằng gấm đoạn màu xanh đậm, riêng quan mạnh bái thêm bức bồi tử đính trên ngực áo.

Ngày 21 quan viên tế khai tịch và thỉnh Thánh về đền với hàm ý như báo cáo khai mạc.

Các ngày 22, 23, 24 tế châu đủ cả 3 tuần: Tiên tửu, tiên lễ, tiên tước.

Riêng ngày 25, tổ chức đại lễ có tế tam sinh. Quan viên trải 3 chiếu dọc, 2 chiếu ngang, bày nhang án đặt trâu (hoặc bò thui), lợn, dê (để cả con, chỉ bỏ lòng) lên bàn làm lễ tế trọng thể.

Sau khi tế thần thịt trâu (hoặc bò) dê lợn được nhà đền cắt chia theo định mức thứ bậc đem đến tận nhà cho các hương lão, chức sắc và trai đình toàn xã.

Trong ngày đại lễ này ở đền Đồng Bằng cũng có tục tế mao huyết. Nhưng lông và máu huyết của con vật sau khi tế xong không đem chôn xuống đất như ở nhiều nơi khác, chúng được đem ra “nhập thủy” vào dòng sông ngay trước cửa đền.

+ Nghi lễ rước thánh.

Tục rước thần ở Đào Động cũng khác các làng một chút. Ở Đào Động không có tục rước 9 vị quan Trấn Nam thủy quan về bái yết “Vua Cha Bát Hải”. Làng chỉ tổ chức rước kiệu thánh từ đền ra đình Bơi để thần chứng giám cho lễ hạ trải (thuyền đua), khai mạc hội đua thuyền.

Từ ngày 21 đình đã được trang hoàng lộng lẫy, án thờ công đồng, đồ bát bửu, chấp kích được dàn hai bên ban thờ. Trước sân kéo một là cờ đại, dọc bờ sông cắm cờ ngũ hành và bày sẵn 6 trải của 6 giáp.

Giờ Mão khởi kiệu từ đền chính. Kiệu Thánh là một cỗ long đình lớn, trên đặt kiệu bát công, tám lính mặc áo nậu, đội nón chóp đồng, đi giày “kí long” khiêng kiệu. Hai bên kiệu có 2 lính hầu che lọng. Theo sau là một dàn bát âm, 8 người mặc áo the, khăn xếp vừa đi vừa cử nhạc. Sau đoàn quan viên đội mũ, mặc áo tế là một đội múa kỳ lân, sư tử.

## **2.3. Nghi thức hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng**

### **2.3.1 Các thành phần được tham gia, trang phục và lễ vật trong nghi thức hầu đồng**

\* Các thành phần chính tham gia.

Trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người dân Việt Nam, trong mỗi buổi hầu đồng ta thường nhìn thấy những người được coi là nhân vật chính trong mỗi buổi hầu đồng được gọi là ông đầu hoặc bà đồng, nhiệm vụ đó chính là nhảy múa và mời tất cả các vị thánh hiền linh và ban phát lộc cho dân chúng, dân làng. Thể hiện tình yêu thương che chở của người mẹ đối với lại các con của mình. Khi những điệu nhảy được bắt đầu đó cũng chính là lúc âm nhạc được vang lên. Một trong những làn điệu truyền thống của người dân Việt, đó là hát chầu văn không thể thiếu trong mỗi buổi chầu.

Và khi mà nói đến ông Đồng và bà Đồng đa số những người hầu đồng là do hoàn cảnh bản thân thúc ép, do di truyền gia tộc hay bản tính có căn đồng. Người nào có “căn” mà chưa ra trình Thánh thì thường bị bệnh tật, ốm đau, mà đây là thứ bệnh “âm”, chữa chạy bằng thuốc thang không khỏi, khi làm ăn thường thất bát, thua thiệt. Dân gian gọi hiện tượng này là “cơ đày”, tức người đang bị Thánh đày ải. Ra đồng rồi thì thường sức khoẻ hồi phục, làm ăn được hanh thông. Một khi đã bị Thánh “bắt lính”, tức ra trình đồng rồi thì hàng năm, tùy theo lịch tiết, đặc biệt là vào dịp “tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ”, các Bà đồng, Ông đồng thường phải tổ chức làm lễ Lên đồng. Trong nghi lễ như vậy, theo quan niệm dân gian, các vị Thánh từ các miền khác nhau của vũ trụ bay về nhập hồn vào thân xác các Bà, Ông đồng.

Dàn nhạc hầu bóng (hầu đồng): gồm có 1 đàn nguyệt, 1 đàn nhị, 1 sáo, 1 trống lớn, 1 trống nhỏ, 1 cảnh đôi, 1 phách. Tùy từng địa phương, tùy hoàn cảnh hành lễ mà người ta có thể thêm bớt nhạc cụ này hoặc nhạc cụ khác, nhưng người ta không thể bớt đi đàn nguyệt, trống nhỏ, cảnh đôi vì đây là những nhạc cụ nòng cốt, nhạc cụ tính cách của dàn nhạc hầu bóng.



Nhân sự cho một buổi hầu đồng: Ngoài Ông đồng hay Bà đồng thường có thêm hai hoặc bốn phụ đồng (được gọi là nhị trụ hoặc tứ trụ hầu dâng) đi theo để chuẩn bị trang phục, lễ lạt...

\* Trang phục trong hình thức hầu đồng.

Trang phục: Có bao nhiêu giá đồng thì tương ứng với ngần ấy bộ trang phục và trang sức đi kèm. Dân gian truyền lại có 36 giá đồng tương ứng với 36 vị Thánh và điều đó có nghĩa là sẽ có 36 bộ trang phục dành cho các giá đồng. Vì vậy người hầu đồng sẽ phải chuẩn bị đầy đủ trang phục tùy theo định hầu mấy giá. Thường thì cần những trang phục sau đây:

- Khăn đỏ phủ diện
- Ít nhất là 5 chiếc áo dài màu sắc khác nhau và một quần dài trắng.
- Khăn tấu hương và một ít loại khăn khác.
- Thắt đai lưng màu.
- Thẻ ngà, kiềng bạc, vòng, hoa tai, chuỗi hạt, xuyên, quạt và son phấn.
- Tuy nhiên cũng có trường hợp, người hầu đồng chỉ cần một vương vãi đỏ.

Màu sắc của trang phục phải phù hợp với màu sắc của từng phủ:

- Miền trời, tượng trưng bằng màu đỏ (Thiên phủ)
- Miền đất là màu vàng (Địa phủ)
- Miền sông biển là màu trắng (Thoải phủ)
- Miền rừng núi là màu xanh (Nhạc phủ).

\* Lễ vật trong hình thức hầu đồng.

Lễ vật trong mỗi vắn hầu trước kia thường đơn giản. Vật phẩm cơ bản gồm xôi, thịt, hoa quả, châu, cau, rượu, thuốc, vàng mã,... Ngày nay, lễ vật ngày càng phong phú, gồm cả những sản phẩm hàng hóa công nghiệp, thực phẩm đương thời, đắt tiền, dùng trong cả lễ mặn và lễ chay.

Lễ vật trình đồng phải khác với lễ vật hầu bản mệnh hay tiệc khao, được trình bày trên một kỷ tháp hình chữ nhật kê chính giữa và gồm những thứ sau đây:

– Chén đĩa bạc, đĩa và cốc pha lê. Chính giữa là một cái gương trên phủ một chiếc khăn thêu. Hai bên bục và trước kỷ (bày bốn mâm lễ Tứ Phủ mỗi mâm có chín quả trứng, một cái lược, một cái quạt, một đôi guốc, chín vuông vải màu phủ lên trên. Màu phải là màu chính của Tứ Phủ (xanh, đỏ, trắng và vàng). Bên cạnh mâm lễ có một cái chum nhỏ, một cái thau nhỏ. Cứ mỗi lễ phải thay một hình nhân (nộm) và bốn lốt. Bên cạnh mâm lễ Tứ phủ là mâm lễ sơn trang, mà bất cứ thứ lễ gì cũng phải chia ra làm 13 phần. Một phần lớn bày ở giữa còn 12 phần nhỏ bày xung quanh. Ngay cạnh đó là một mâm hải sơn trang (hoặc giống) màu. Mũi hải có thêu hình chim phượng. Một trăm vàng thoi (giấy vàng xếp thành thoi).

– Lễ mặn sơn trang gồm: có ốc, tôm, cá khô, cua (13 hoặc 15 con), mực, nếp cẩm, dưa tươi...

– Lễ sơn trang về đồ chay thường có: 1 mâm hoa quả gồm khế chua sung chát gừng cay, chanh ớt, dưa... ở dưới bệ. Thường thì tán lộc sơn trang ở giá châu bé hoặc cô bé hoặc bất kì giá châu hoặc cô miền thượng. Trước bàn thờ bày đủ các loại mã và một chiếc thuyền rồng hình cánh phượng có 12 hình nhân chèo thuyền, một đôi ngựa và một đôi voi có đủ yên cương và hàm thiếc. Những đồ dùng mã người ta sẽ hóa (đốt) sau khi lễ xong. Ngày nay lễ vật có thay đổi đôi chút tùy nơi, tuy nhiên vẫn phải giữ căn bản tối thiểu tùy đồng tiền dâng cúng.

### **2.3.2. Trình tự hầu đồng**

Bắt đầu buổi hầu đồng người ta đặt các lễ vật lên hương án. Người hầu đồng để các dụng cụ lên chiếu đồng, bước lên chiếu đồng, lấy hoa xoa lên mặt, quần áo rồi vẩy xung quanh để tẩy trang. Cung văn lên giầy đàn, dạo nhạc, hát văn cộng đồng.

Ba động tác tiên khởi mà người hầu đồng phải làm là: Cháp tay chò cho phụ đồng phủ khăn diên lên đầu trùm cả tay xong thì đưa tay lên trán rồi bước chân trái lên một bước, chân phải chụm lên với chân trái, lặt lại thêm hai lần mới quỳ xuống. Người hầu đồng làm lễ vái dập người, hai tay chống xuống

chiếu, mặt úp sát, vái ba lễ. Sau đó đứng dậy đi dật lùi ba bước về vị trí cũ. Giá đệ nhất được bắt đầu.

Cũng như giá đầu, khi sang một giá khác, người hầu đồng sau khi thay đổi trang phục và lễ cụ sẽ bước lên chiếu đồng, cung văn chuẩn bị tấu nhạc. Người phụ đồng kính cẩn đưa một chiếc khăn phủ diện màu đỏ. Hầu đồng cầm khăn, vái mấy vái rồi phủ lên đầu, hai tay cầm hai mép khăn phủ ở đầu gối. Một lúc sau đầu hầu đồng lắc lư, đảo đảo rồi bất ngờ hét lên một tiếng, chỉ ngón trỏ trái lên trời. Đó là dấu hiệu giá quan lớn đệ nhất nhập đồng.

### ***2.3.3 Trình tự của một giá đồng***

#### **1. Thay Lễ phục:**

Mỗi vị thánh đều có lễ phục riêng phù hợp với danh hiệu của vị đó và màu sắc cũng khác biệt tùy từng Phủ, từng gốc tích sắc tộc gốc, phẩm hàm cũng như văn hay võ.

#### **2. Dâng hương hành lễ.**

Đây là một nghi thức không thể thiếu được cho bất cứ giá nào. Hầu đồng tay trái cầm một bó nhang đã đốt sẵn, bọc trong một chiếc khăn có tẩm hương. Tay phải rút một nén nhang rồi hơ lên bó nhang trong tay làm động tác phù phép mà ngôn ngữ hầu đồng gọi là khai nông, để xua đuổi tà ma.

#### **3. Lễ thánh giáng.**

Khi hầu đồng có thánh nhập vào thì buồng các nén hương đang cầm theo tay chấp, nghiêng mình ra hiệu thánh thuộc hạng thứ bậc nào.

Có hai hình thức thánh giáng:

– Giáng trùm khăn (hầu trắng mạn) với các giá Thánh Mẫu. Mẫu chỉ đến chứng giám rồi đi ngay.

– Giáng mở khăn – với các hàng quan trở xuống.

Khi thánh đã nhập, người hầu đồng không còn là người phàm nữa, xuất thần, tự thôi miên đã giúp cho họ nhảy múa một cách uyển chuyển, nhịp nhàng mà bình thường họ không làm được. Đó chính là hứng khởi mang tính tâm linh tôn giáo (chỉ có ở một số người).

#### 4. Múa đồng.

Múa đồng là một hình thức diễn xướng đã được cách điệu hóa, khẳng định sự ứng nhập của thần linh. Bởi vậy động tác múa khác nhau tùy theo từng vị thánh. Nhưng chung chung thì thấy có ảnh hưởng của chèo và vũ điệu dân gian.

Mỗi động tác múa trong các giá châu phản ánh con người thật của vị thánh giáng đồng và thay đổi theo đặc điểm của “giá”. “Giá” quan thường múa cờ, múa kiếm, long đao, kích. Giá các châu bà thì múa quạt, múa môi, múa tay không. Giá ông hoàng thì có múa khăn tấu, múa tay không, múa cờ. Giá các cô múa quạt, múa hoa, chèo đò, múa thêu thùa, múa khăn lụa, múa đàn, múa tay không. Giá các cậu thường múa hèo, múa lân... Trước khi sử dụng lễ cụ, người hầu đồng bắt chéo hai dụng cụ lên trước trán, sau đó cúi đầu làm lễ. Khi múa xong một giá, người hầu đồng lại bắt chéo hai lễ cụ trước trán để tạ lễ.

Nghi lễ Thánh giáng phải theo thứ tự từ cao đến thấp: Cao nhất là Thánh Mẫu (Tứ vị Thánh Mẫu), sau đó là hàng Quan (Ngũ vị quan lớn), Châu (Tứ vị Châu bà), Ông Hoàng (Ngũ vị ông Hoàng), Cô (thập nhị Vương cô), Cậu (thập vị Vương cậu), tổng cộng có đến 50-60 vị. Tuy nhiên, không phải tất cả các vị Thánh Tứ phủ đều nhập đồng, mà chỉ có một số, nhiều nhất là 36 vị nên mới có 36 giá đồng. Bình thường chỉ trên dưới 20 vị Thánh nhập trong một nghi lễ hầu đồng.

#### 5. Ban Lộc và nghe Văn châu.

Sau khi đã múa các thánh thường ngồi nghe cung văn hát, kể sự tích lai lịch vị thánh đang giáng. Với các giá ông Hoàng thì cung văn ngâm các bài thơ cổ. Thánh biểu hiện sự hài lòng bằng động tác về gối và thưởng tiền cho cung văn. Lúc này cũng là lúc, Thánh dùng những thứ người hầu đồng dâng như: rượu thuốc lá, châu nước..v.v. Các thứ thánh dùng phải làm nghi thức khai cương (khai quang) cho thanh sạch. Lúc này những người ngồi dự chung quanh đến gần để cầu xin hoặc nghe thánh phán truyền. Và đây cũng là lúc thánh phát lộc. Lộc thánh gồm nhiều thứ như: hoa quả, bánh trái, gương lược, tiền bạc, nén nhang cháy..v.v.

## 6. Thánh thăng.

Cuối cùng là dấu hiệu thánh thăng. Người hầu đồng ngồi yên, hai tay bắt chéo trước trán quạt che lên đỉnh đầu, khẽ rung mình, lúc ấy hai người phụ hầu đồng cấp tốc phủ khăn diện lên đầu người hầu đồng, cung vãn nổi nhạc và hát điệu thánh xa giá hồi cung – kết thúc một giá đồng.

### 2.4. Thông tin về hoạt động du lịch tại đền Đồng Bằng

#### 2.4.1. Phương tiện tìm hiểu về di tích

**Bảng 1.1: Tỷ lệ phần trăm tìm hiểu về di tích của du khách**

STT	Tiêu thức	Số lượng	Phần trăm(%)
1	Người thân, bạn bè	51	51
2	Internet, sách, báo, tạp chí	30	30
3	Văn phòng du lịch	17	17
4	Khác	2	2
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn: Công thông tin du lịch tỉnh Thái Bình

Nhìn vào kết quả điều tra ở bảng 1.1 ta có thể nhận thấy rằng, hình thức truyền miệng thực sự rất có hiệu quả đối với việc truyền bá hình ảnh điểm đến tâm linh – đền Đồng Bằng, phương thức này chiếm đến 51%. Điều này cho thấy, du khách biết đến đền Đồng Bằng chủ yếu thông qua lời giới thiệu của bạn bè người thân, đây được xem là một phương thức quảng bá hữu hiệu và tiết kiệm chi phí nhất. Điều này cũng báo hiệu rằng, những phản hồi và đánh giá của du khách về điểm đến là rất tốt, nhờ vậy mà những người được truyền đạt mới có mong muốn được đến đây để trải nghiệm ít nhất một lần. Kênh thông tin quan trọng đứng thứ hai chiếm 30% đó là thông qua Internet, sách báo, tạp chí.

Ngày nay, với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và xu thế toàn cầu hóa, thì Internet đã trở thành một công cụ phổ biến giúp con người tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng và dễ dàng nhất. Vì vậy mà 30% du khách được điều tra cho biết, họ đã tìm kiếm và tiếp cận những thông tin về đền Đồng Bằng

thông qua Internet, sách báo, tạp chí, đây cũng là một trong những phương tiện thông tin hiệu quả giúp cho việc quảng bá, giới thiệu đền Đồng Bằng cho du khách ở khắp nơi được dễ dàng hơn. Ngoài ra một bộ phận truyền thông không kém phần quan trọng khác đó chính là các công ty lữ hành, các văn phòng du lịch (chiếm 17%), họ cũng chính là những người trực tiếp giới thiệu đến du khách những thông tin nổi bật về điểm đến và cũng là những người góp phần vào việc thuyết phục du khách đưa ra những quyết định lựa chọn điểm đến, bằng những hiểu biết và sự khéo léo của mình. Ngoài ra còn một số phương tiện thông tin khác chiếm 2%.

#### 2.4.2. Số lần đến di tích

**Bảng 1.2: Tỷ lệ phần trăm số lần đến di tích của du khách**

STT	Tiêu thức	Số lượng	Phần trăm (%)
1	Lần đầu	55	55
2	Lần thứ 2	27	27
3	Lần thứ 3	14	14
4	Lần thứ 4 trở lên	4	4

Nguồn: Công thông tin du lịch tỉnh Thái Bình

Nhìn vào bảng thống kê tỷ lệ phần trăm số lần đến di tích của du khách ta có thể thấy rằng, đa phần du khách đến với Đền Đồng Bằng lần đầu tiên, con số này chiếm 55%, lần thứ 2 chiếm 27%, lần thứ 3 chiếm 14% và có những người đã đến trên 4 lần chiếm 4%. Phần lớn du khách đến đây lần đầu cho thấy Đền Đồng Bằng đang ngày một biết đến nhiều hơn, ngày càng có nhiều người muốn một lần đến đây để tham quan văn cảnh, để cầu xin những điều may mắn, để thỏa mãn mục đích tâm linh của mình. Ngoài ra cũng có những người đến lần thứ 2, thứ 3, thậm chí thứ 4 trở lên, chứng tỏ có rất nhiều người tin tưởng vào tính linh thiêng của điểm đến tâm linh này, mỗi lần gặp những khó khăn trong cuộc sống hay có những điều cần cầu xin, họ điều tìm đến đây. Cũng có thể có nhiều người yêu thích cảnh đẹp và sự yên bình thanh tịnh nơi đây, vì vậy mà họ

thường xuyên tìm đến những lúc mệt mỏi để tìm kiếm sự bình yên và thanh thản trong tâm hồn.

#### 2.4.3. Hình thức du lịch khi đến di tích

**Bảng 1.3: Tỷ lệ phần trăm các loại hình du lịch của du khách**

STT	Tiêu thức	Số lượng	Phần trăm(%)
1	Tour trọn gói	33	25
2	Tự tổ chức	67	75
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn: Công thông tin du lịch tỉnh Thái Bình

Đa phần khách du lịch đến đây đều đi theo hình thức tự tổ chức chiếm 67%. Vì phần lớn khách du lịch đến đây điều muốn chủ động sắp xếp thời gian sao cho hợp lý và phù hợp với mục đích của mình, họ muốn đến bất cứ lúc nào có nhu cầu và có khả năng, và loại hình này phần lớn được lựa chọn bởi những người dân trên chính địa bàn tỉnh và ở các tỉnh thành lân cận có khoảng cách địa lý gần. Tuy vậy hình thức đi theo Tour du lịch trọn gói cũng được nhiều người lựa chọn khi đến với di tích (chiếm 33%), điều này cho thấy Đền Đồng Bằng cũng là một điểm du lịch tâm linh được chú ý và được đưa vào trong chương trình du lịch của nhiều công ty lữ hành.

#### 2.4.4. Mục đích đến di tích

- Mục đích chung

Qua quá trình điều tra khảo sát đối với 100 du khách đến tham quan tại đền Đồng Bằng về mục đích đến di tích của họ, có thể rút ra một nhận xét rằng, du khách đến với đền Đồng Bằng bởi rất nhiều mục đích khác nhau, tuy nhiên mục đích chủ yếu được rất nhiều người lựa chọn đó là đến di tích để cầu xin những điều may mắn và đến để tham quan văn cảnh thư giãn, bên cạnh đó còn có một số mục đích khác, ta có thể xem kết quả ở bảng dưới đây:

**Bảng 1.4: Tỷ lệ phần trăm mục đích đến di tích của du khách**

STT	Mục đích	Số lượng	Phần trăm(%)
-----	----------	----------	--------------

1	Đến di tích để tham quan, thư giãn, văn cảnh	Có	68	68
		Không	32	32
2	Đến di tích để tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc, văn hóa lịch sử	Có	27	27
		Không	73	73
3	Đến di tích để cầu xin những điều may mắn	Có	71	71
		Không	29	29
4	Mục đích khác	Có	10	10
		Không	90	90

Nguồn: Công thông tin du lịch tỉnh Thái Bình

•Đến di tích để cầu xin những điều may mắn

Đền Đồng Bằng ngày nay được biết đến là một điểm di tích tâm linh mang tính linh thiêng và giàu giá trị văn hóa lịch sử. Nơi đây vừa là chốn thờ tự tôn nghiêm, nơi đặt điện thờ vua cha Bát Hải và ba vị thánh Mẫu. Bởi vậy mà có đến 71% du khách đến đây với mục đích để cầu xin những điều may mắn cho bản thân và gia đình. Điều này nói lên sự linh ứng và niềm tin tưởng lớn lao của du khách vào vùng đất linh thiêng này.

•Đến di tích để tham quan văn cảnh

Ngày nay, đền Đồng Bằng được nhiều người biết đến không chỉ vì đây là một điểm đến tâm linh mà còn là một điểm di tích với lối kiến trúc và cảnh quan môi trường đẹp nổi tiếng. Những công trình kiến trúc đặc sắc ở đây đã được các nghệ nhân bố trí một cách khéo léo, hài hòa vào một khung cảnh thơ mộng. Bầu không khí ở đây cũng trong lành và yên tĩnh lạ thường. Bởi vậy mà có đến 68% du khách cho biết rằng mục đích họ đến đây còn là để tham quan, văn cảnh. Đến di tích để tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc, văn hóa lịch sử. Có 27% du khách cho rằng họ đến đây để tìm hiểu về lịch sử văn hóa và nghệ thuật kiến trúc ở đây. Đền Đồng Bằng được xây dựng để tưởng nhớ công lao của vị anh hùng dân tộc –vua cha Bát Hải– người đã hy sinh lợi ích bản thân để mở mang bờ cõi cho đất nước. Bởi vậy nó mang một giá văn hóa – lịch sử rất to lớn, tái hiện lại lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Bên cạnh đó, các công trình kiến trúc ở đây, dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân xưa, đã hội tụ rất nhiều tinh hoa từ những giá trị tạo nên những tác phẩm nghệ thuật kiến trúc độc đáo mà ít nơi nào



có được. Những giá trị văn hóa lịch sử và nghệ thuật kiến trúc độc đáo, đã góp phần làm cho nơi đây trở thành nguồn cảm hứng nghiên cứu và sáng tác nghệ thuật của các nhà Văn học, Sử học, các nhà kiến trúc hay nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, những sinh viên đại học du lịch mong muốn đến tìm hiểu để phục vụ cho quá trình học tập và cả những du khách có mong muốn tìm hiểu kết hợp với mục đích tâm linh.

•Mục đích khác

Ngoài những mục đích được kể trên, du khách còn đến đây vì một số mục đích khác (chiếm 10%) như: họ là những hướng dẫn viên du lịch dẫn khách đến tham quan; hay là những nhiếp ảnh gia đến để thực hiện những bức hình nghệ thuật; có thể là sinh viên đại học/cao đẳng đến để thực tập, nghiên cứu..v.v...

•Mục đích đến mang tính tâm linh

**Bảng 1.5: Tỷ lệ phần trăm mục đích tâm linh khi đến di tích của du khách**

STT	Mục đích tâm linh	Số lượng		Phần trăm(%)
		Có	Không	
1	Cầu may mắn, sức khỏe, bình an, thành công trong sự nghiệp.	Có	69	69
		Không	31	31
2	Cầu mong tình duyên	Có	20	20
		Không	80	80
3	Tỏ lòng thành kính đối với đức Phật	Có	64	64
		Không	36	36
4	Tỏ lòng thành kính tri ân đối với các vị anh hùng có công với dân tộc, đất nước	Có	70	70
		Không	30	30
5	Cảm nhận sự chở che, đỡ nâng của các thánh thần và tìm niềm tin trong cuộc sống	Có	14	14
		Không	86	86
6	Cầu mong cho người thân đã mất	Có	5	5

	được siêu thoát	Không	95	95
7	Cầu mong cho thế giới hòa bình, người dân an lạc	Có	19	19
		Không	81	81
8	Cầu mong sự thoải mái, bình yên, thanh thản trong tâm hồn	Có	<b>42</b>	<b>42</b>
		Không	58	58

Nguồn: Cổng thông tin du lịch tỉnh Thái Bình

- Cầu may mắn, sức khỏe, bình an, thành công trong sự nghiệp

Sức khỏe, may mắn, bình an là những điều mà con người luôn mong muốn có được trong cuộc sống trước khi nghĩ đến tiền bạc vật chất, và tiếp theo đó là công danh sự nghiệp. Cho nên phần lớn du khách đến đây (chiếm 69%) điều cầu mong được những điều đó cho bản thân hoặc người thân, bạn bè. Con số 69% thể hiện niềm tin rất lớn của du khách đối với di tích.

- Tỏ lòng thành kính tri ân đối với các vị anh hùng có công với dân tộc, đất nước.

Đền Đồng Bằng là một điểm đến tâm linh hội đủ cả hai yếu tố đó là tôn giáo và tín ngưỡng – cụ thể đạo Mẫu và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Bởi vậy mà một mục đích tâm linh cũng nằm trong mong muốn của hơn 70% du khách đến đây đó là tỏ lòng tri ân đối với các vị anh hùng có công với dân tộc đất nước. Thông qua việc cúng vái, dâng hương, cầu nguyện... tất cả du khách đến đây điều mong muốn thể hiện lòng biết ơn, kính trọng và niềm tin vào sự hiển linh của các vị anh hùng dân tộc.

- Cầu mong sự thoải mái, bình yên, thanh thản trong tâm hồn

Ngày nay, khi mà cuộc sống ngày càng xô bồ, phức tạp. Con người đôi khi đã vô tình hoặc cố tình gây nên những tội lỗi, những việc làm trái lương tâm, trái với giáo lý. Vì vậy mà khi nhận ra, họ rất mong muốn tìm đến một nơi nào đó có thần linh, có thánh Mẫu để cầu xin sự tha thứ và bình an trong tâm hồn. Vì vậy mà cũng có khá đông du khách (42%) tìm đến với đền Đồng Bằng với mục đích đó.

- Một số mục đích tâm linh khác:

Ngoài những mục đích tâm linh kể trên, còn có một số mục đích đến tâm linh khác cũng được du khách lựa chọn đó là: cầu mong tình duyên; cảm nhận sự chở che, đỡ nâng của các thánh thần và tìm niềm tin trong cuộc sống; một số cầu mong cho người thân đã mất được siêu thoát, hay rộng hơn là cầu mong cho thế giới được hòa bình, người dân an lạc..v.v... tất cả điều thể hiện những mong muốn của con người cho cuộc sống của bản thân và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Tất cả điều thể hiện niềm tin mãnh liệt của du khách đối với điểm đến tâm linh này.

## Tiểu kết chương 2

Tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình thể hiện ở nhiều phương diện bao gồm: Địa bàn thờ Mẫu, nhân vật Mẫu thờ phụng và cách bài trí và các hoạt động diễn ra. Ở mỗi một biểu hiện, tín ngưỡng thờ Mẫu đều thể hiện những đặc điểm mang dấu ấn bản địa sâu sắc. Cần hiểu được rõ thêm tín ngưỡng thờ Mẫu được phát triển như thế nào tại đền Đồng Bằng. Điều đó ảnh hưởng từ ba nhân tố quan trọng là vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên – xã hội và hoàn cảnh lịch sử. Ba yếu tố đó tạo sự hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng.

Các hoạt động thờ Mẫu được diễn ra sôi nổi trên khắp địa bàn đền Đồng Bằng thông qua hoạt động Lên đồng và Lễ hội. Lên đồng là một trong những nghi lễ Hội luôn là phần sôi nổi, thu hút sự tham gia đông đảo của dòng người đến quan trọng trong tín ngưỡng thờ Mẫu. Hoạt động Lên đồng diễn ra với tần suất thường xuyên trên địa bàn đền Đồng Bằng. Không chỉ diễn ra với tần suất thường xuyên mà những nơi này còn thu hút đông đảo người dân đến tham dự. Phần Lễ được tổ chức trang nghiêm, long trọng dưới sự chứng kiến của mọi người, còn phần trẩy hội. Theo thời gian, lễ hội tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng phát triển không ngừng và luôn chiếm một vai trò chủ đạo. Từ đó đã trở thành một nét văn hóa tốt đẹp của người dân Thái Bình.

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI ĐỀN ĐỒNG BẰNG**

Tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng hiện nay đang thể hiện sự phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển mạnh mẽ của tín ngưỡng bao giờ cũng đem lại sự biến đổi theo hai hướng tích cực và tiêu cực. Trong phần chương ba, em xin nêu và đưa ra ý nghĩa của việc bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng và đề xuất một số biện pháp nhằm bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của tín ngưỡng này.

### **3.1. Ý nghĩa trong việc bảo tồn gìn giữ nét văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng tỉnh Thái Bình**

Thờ Mẫu là tín ngưỡng tốt đẹp nhất của dân tộc ta. Tại đền Đồng Bằng, tín ngưỡng này có giá trị văn hóa đặc sắc làm phong phú cho văn hóa tỉnh Thái Bình nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung. Trên phương diện đó, ta thấy rằng công tác bảo tồn là rất quan trọng giúp để làm sống lại lịch sử, khơi dậy lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Ý nghĩa cơ bản của việc bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu là bảo tồn nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa của người dân Thái Bình. Tín ngưỡng thờ Mẫu từ lâu đã đi vào trong đời sống tâm linh của người dân. Cư dân bản địa đến lễ thánh Mẫu như tìm về sự bình yên, cầu may mắn, tài lộc và che chở cho con người lúc họ gặp khó khăn. Đi lễ đền, phủ, chùa thờ Mẫu đã trở thành một nét văn hóa của người Thái Bình. Vào mỗi dịp Rằm, mùng Một, những ngày lễ lớn trong năm, người dân cùng nhau đến nơi thờ Mẫu để cầu mong cho gia đình, những điều tốt đẹp hơn sẽ đến với họ trong cuộc sống. Tại các ngôi đền, chùa, phủ thờ Mẫu ta không la khi bắt gặp những hình ảnh của các Bà, các cô đi từng đoàn cùng nhau đến bái thánh Mẫu, coi thánh Mẫu là một vị thánh linh thiêng, là người Mẹ che chở, bảo vệ cho con người. Nét đẹp ấy đã hình thành từ lâu ở Thái Bình, truyền từ đời này sang đời khác như một sinh hoạt văn hóa đã trở thành truyền thống đối với mỗi người dân Thái Bình.

Tín ngưỡng thờ Mẫu đã khơi dậy văn hóa tổ chức cộng đồng cho người dân địa phương. Các hoạt động thờ Mẫu diễn ra sôi nổi hàng năm đại diện cho tín ngưỡng thờ Mẫu chính là Lên Đồng và lễ hội. Trong đó, ta thấy ở đền Đồng Bằng những buổi lễ Lên Đồng là một không gian thiêng đồng thời cũng là không gian văn hóa nhằm khơi gợi nét đẹp văn hóa cộng đồng bản địa. Những người đi xem hầu đồng ở đền Đồng Bằng - Thái Bình thường là phụ nữ, họ chiếm một số lượng đông đảo khi đến cúng Mẫu và xem Lên Đồng. Tại những buổi Lên Đồng, họ tập trung lại với nhau cùng dâng lên thánh Mẫu những lễ vật thể hiện lòng thành kính, cùng hòa nhập với thế giới thần linh thông qua các ông Đồng, bà Đồng. Họ quy tụ hợp nhau lại thành một nhóm lễ thánh Mẫu và xem Lên đồng. Đó là nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân Thái Bình.

Trong quá trình Hầu đồng, những người phụ nữ đó vừa đến nhằm cầu cúng cho gia đình mình mặt khác cũng để thỏa mãn nhu cầu tâm linh của mình. Những điệu múa của các ông Đồng, bà Đồng được thăng hòa cùng làn điệu châu văn mượt mà, trầm bổng, giúp người phụ nữ giải tỏa hết những phiền muộn trong cuộc sống, thoát khỏi cảm giác giác khó chịu để hòa nhập đến một thế giới không phân biệt giàu - nghèo, nam - nữ và địa vị xã hội. Xét theo khía cạnh này, tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng điều tiết mối quan hệ xã hội trong một cộng đồng hay một nhóm nào đó. Nói khác, trong thế giới của thánh Mẫu không có sự bất công, chỉ có sự công bằng, tôn vinh đề cao và trân trọng giá trị của con người. Mọi người được thoải mái, tự do xem Lên đồng trong suốt quá trình nghi lễ được diễn ra trong trạng thái trang nghiêm, thành kính.

Trong các lễ hội thờ thánh Mẫu, nét văn hóa sinh hoạt cộng đồng được thể hiện rõ ràng thông qua các hoạt động của người dân địa phương. Mọi người cùng nhau chuẩn bị lễ hội, sắm nghi lễ, cùng rước thánh Mẫu để thể hiện lòng thành kính. Lễ hội thờ Mẫu đền Đồng Bằng tại Thái Bình còn tổ chức nhiều trò chơi văn hóa truyền thống, thu hút nhiều người tham gia đặc biệt là giới trẻ. Trong không gian thiêng thành kính người dân cùng nhau dâng lễ lên thánh

Mẫu, trong khoảng không gian tổ chức các trò chơi, người dân cùng nhau tham gia nhiệt tình. Nó đã tạo thành nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân cư Thái Bình cần phải , giữ gìn và bảo tồn, phát huy..

Thứ hai, bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng góp phần tại nên nhiều giá trị cho tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Trước hết, tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng thể hiện là một trong những nơi thờ Mẫu ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Cùng có những đặc điểm chung như các nơi khác ở miền Bắc, nhưng đền Đồng Bằng ở Thái Bình tín ngưỡng thờ Mẫu cũng mang đậm chất bản địa. Điều đó đã tạo nên dấu ấn đặc sắc cho tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Những công trình tôn giáo, tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng còn đem lại những giá trị văn hóa đặc sắc góp phần làm phong phú hơn những công trình tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam. Những công trình ấy mang đậm dấu ấn của người Việt những cũng thể hiện sự giao lưu với nét kiến trúc của các nước khác trên thế giới.

Thứ ba, bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng góp phần phát triển du lịch địa phương. Du lịch là một trong những ngành quan trọng góp phần phát triển kinh tế đất nước. Thái Bình là một vùng đất đồng bằng, không có địa hình đồi núi, để phát triển du lịch tự nhiên, nhưng trái lại Thái Bình có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh. Trong đó, đền Đồng Bằng cũng là một địa điểm rất tiềm năng để phát triển du lịch. Nằm ở thành phố - nơi có điều kiện cơ sở vật chất thuận lợi như khách sạn, nhà hàng, bưu điện... Đền Đồng Bằng có vị trí thuận lợi về mặt giao thông đi lại. Với hệ thống đền, miếu, phủ thờ Mẫu có nhiều giá trị lịch, kiến trúc, hội họa, điêu khắc..., tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng thực sự là một di sản quý giá đem vào khai thác du lịch. Những nhân tố thuận lợi đó, tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng là một di sản quan trọng để phát triển du lịch ở tỉnh Thái Bình. Vì vậy, việc bảo tồn tín ngưỡng thờ Mẫu ở đền Đồng Bằng sẽ góp phần phát triển du lịch địa phương, đem lại thu nhập cho cộng đồng dân cư địa phương, các cơ sở

kinh doanh du lịch nói riêng và sự phát triển của du lịch tỉnh Thái Bình nói chung.

Tóm lại, những ý nghĩa văn hóa trên của tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng cần được bảo tồn. Trước sự phát triển của kinh tế thị trường, trước sự thay đổi của những giá trị xã hội thì việc cần thiết phải làm chính là lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, cổ xưa trước sự xâm lăng của những điều không tốt làm thay đổi giá trị cũ theo hướng tiêu cực. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng cần phải được bảo tồn và giữ gìn cho những thế hệ sau biết về văn hóa truyền thống của dân tộc.

### **3.2 Các giải pháp phát triển du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng**

Sau quá trình phân tích những mục đích và đánh giá, cảm nhận của du khách về hoạt động du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng, có thể thấy rằng đền Đồng Bằng là một điểm đến rất có nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch tâm linh. Và để đưa ra những giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình hiện tại, trước tiên ta cần phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của điểm đến này trong phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

#### **3.2.1 Đánh giá khả năng phát triển loại hình du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng**

Phân tích ma trận SWOT trong việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh của đền Đồng Bằng

<b>Điểm mạnh (S)</b>	<b>Điểm yếu (W)</b>
<p>S1. Đền Đồng Bằng là nơi chứa đựng nhiều giá trị tâm linh, văn hóa - lịch sử và nghệ thuật kiến trúc độc đáo.</p> <p>S2. Là điểm đến tâm linh có sự kết hợp của cả yếu tố tâm linh tôn giáo (đạo Phật) và tâm linh tín ngưỡng (tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên); giữa lễ hội và tham quan chiêm bái.</p>	<p>W1. Đường đến di tích còn nhỏ hẹp.</p> <p>W2. Số lượng hướng dẫn viên tại điểm còn ít. Chủ yếu suốt tuyến</p> <p>W3. Hoạt động du lịch văn hóa tâm linh tại đây còn khác đơn giản, chỉ đơn thuần là hoạt động cúng vái, cầu nguyện, làm việc phước đức, tham quan văn cảnh.</p>



<p>S3. Là một điểm đến tâm linh có nhiều công trình kiến trúc, nghệ thuật mang tính thẩm mỹ cao, thể hiện sự khéo léo và tài năng của các nghệ nhân ở Thái Bình mà hiếm nơi nào có được.</p> <p>S4. Đền Đồng Bằng không chỉ là một di tích lịch sử - tôn giáo mà còn là một thắng cảnh, một điểm đến tâm linh có không gian rộng rãi thoáng đãng, cảnh quan đẹp thơ mộng, bầu không khí trong lành làm cho tâm hồn thư thái, tự tại.</p> <p>S5. Lễ hội đền Đồng Bằng diễn ra hàng năm là một sự kiện rất được nhiều người chú ý, thu hút sự tham gia của hàng ngàn khách tham quan và người dân địa phương.</p> <p>S6. Vào những ngày rằm, mùng 1 Âm lịch hàng tháng cũng có rất nhiều du khách và người dân địa phương đến đây để cầu nguyện.</p>	<p>W4. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch văn hóa tâm linh còn yếu.</p> <p>W5. Không gian rộng nhưng còn thiếu nhiều bóng cây râm mát, nhất là vào mùa hè nắng nóng.</p> <p>W6. Hoạt động tham quan, văn cảnh còn chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu.</p>
<p><b>Cơ hội (O)</b></p> <p>O1. Du lịch văn hóa tâm linh đang là xu hướng phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và của tỉnh Thái Bình nói riêng.</p> <p>O2. Du lịch tâm linh là loại hình du lịch đã và đang được nhiều khách du</p>	<p><b>Thách thức (T)</b></p> <p>T1. Chính quyền địa phương chưa có nhiều chính sách cụ thể về việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn Tỉnh.</p> <p>T2. Sự cạnh tranh về tính hấp dẫn của các loại hình du lịch khác trên</p>

<p>lich quốc tế và trong nước lựa chọn.</p> <p>O3. Việc phát triển loại hình du lịch tâm linh rất được sự ủng hộ của các cấp, các ngành liên quan trong tỉnh.</p> <p>O4. Hoạt động du lịch văn hóa tâm linh có thể kết hợp với các hoạt động thuộc các loại hình du lịch khác ở khắp cả nước.</p>	<p>địa bàn Tỉnh.</p> <p>T3. Sự cạnh tranh về điểm đến tâm linh đối với những điểm đến tâm linh khác trên địa bàn tỉnh và với các Tỉnh thành khác trên cả nước.</p> <p>T4. Sự cạnh tranh về tính hấp dẫn trong lễ hội tôn giáo tại đền Đồng Bằng với các lễ hội tôn giáo khác tại các điểm đến tâm linh khác trên địa bàn tỉnh và khắp cả nước.</p> <p>T5. Quá trình hư hại và mai một của các công trình kiến trúc do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết và tác động của con người theo thời gian.</p> <p>T6. Sự phát triển của du lịch không tránh khỏi những tác động không tốt ảnh hưởng đến sự trang nghiêm của di tích do những hành vi không đúng đắn trong ăn mặc, nói năng thiếu lịch sự của một số du khách.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

### ***3.2.2. Giải pháp nhằm phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh tại đền Đồng Bằng***

#### ***3.2.2.1 Tuyên truyền quảng bá***

- ❖ Xây dựng website riêng cho đền Đồng Bằng để du khách có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin, đồng thời để cập nhập những phản hồi và mong muốn của du khách để hoàn thiện chất lượng dịch vụ hơn.

- ❖ Có sự liên kết với những công ty lữ hành chuyên tổ chức tour và khai thác lĩnh vực du lịch văn hóa tâm linh như công ty lữ hành Viettravel, Vietnamtourism, Ngọc Việt Travel... tạo điều kiện cho du khách trên cả nước biết đến.
- ❖ Cần thông báo về lịch lễ hội, các chương trình lễ hội mới rộng rãi trên các Website để du khách trong và ngoài nước có thể về tham dự.
- ❖ Tích cực quảng bá, đưa lễ hội Đền Đồng Bằng vào các chương trình Tour nhằm giới thiệu văn hóa lễ hội đền Đồng Bằng đến du khách trong và ngoài nước rộng rãi hơn.
- ❖ Tăng cường hợp tác quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của chính phủ, các tổ chức quốc tế trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch văn hóa tâm linh tỉnh Thái Bình.

### ***3.2.2.2. Phát triển đa dạng các hoạt động văn hóa tâm linh***

- ❖ Thường xuyên tổ chức các hoạt động tâm linh như cầu nguyện quốc thái dân an, thả đèn hoa đăng, phóng sanh nhiều hơn nữa, không chỉ ở các lễ hội mà có thể tổ chức trong các ngày rằm hay mùng một Âm lịch.
- ❖ Xây dựng các chương trình du lịch về văn hóa tâm linh, liên kết với các điểm du lịch tâm linh khác, các ngôi chùa trong địa bàn Tỉnh để xây dựng các chương trình du lịch văn hóa tâm linh đặc trưng.
- ❖ Phối hợp với các cơ quan ban ngành tổ chức các cuộc hội thảo liên quan đến du lịch tâm linh tại các điểm du lịch tâm linh tại đền Đồng Bằng; vai trò của các lễ hội với sự phát triển du lịch, với sự tham dự của các hãng lữ hành, các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đại diện của các cơ quan ban ngành liên quan đến du lịch, cùng bàn luận và đưa ra các ý kiến xây dựng một mô hình phát triển bền vững.
- ❖ Cần xây dựng những nội quy, quy định dành cho du khách đến với di tích nhằm bảo vệ tính trang nghiêm cho không gian tôn nghiêm tại di tích.

### **3.2.2.3. Phát triển nguồn nhân lực**

- ❖ Nguồn nhân lực phục vụ du lịch là một trong những yếu tố quan trọng của một điểm đến du lịch, đặc biệt đối với một điểm du lịch tâm linh thì càng đóng vai trò quan trọng hơn và có những yêu cầu cao hơn về tác phong, trình độ hiểu biết. Cho nên cần phải củng cố và xây dựng đội ngũ nhân viên đáp ứng được những yêu cầu cho việc phát triển du lịch tâm linh: tuân thủ những quy định nghiêm ngặt về trang phục, tác phong, rèn luyện và bổ sung những kiến thức cần thiết về lịch sử, tôn giáo, nghệ thuật kiến trúc để giới thiệu cho du khách nhất là đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm.
- ❖ Đào tạo thêm hướng dẫn viên tại điểm nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu hướng dẫn, thuyết minh của du khách trong những mùa cao điểm.

### **3.2.2.4. Phát triển cơ sở VCKT phục vụ du lịch**

- ❖ Đầu tư tôn tạo các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, tâm linh tại điểm di tích đang có nguy cơ bị hư hại.
- ❖ Xây dựng thêm nhiều chỗ nghỉ chân cho du khách để du khách có thể nghỉ ngơi trong quá trình tham quan văn cảnh, leo núi.
- ❖ Trồng thêm nhiều cây xanh có thể tạo bóng mát xung quanh khuôn viên di tích, ở các lối đi và các điểm dừng chân vừa để du khách có thể nghỉ mát trong những ngày nắng nóng vừa tạo cảnh quan đẹp cho khuôn viên di tích.
- ❖ Đầu tư xây dựng kiên cố các bãi giữ xe có cổng và mái che để đảm bảo an toàn cho tài sản của du khách và tránh mưa, tránh nắng.
- ❖ Làm mới các bảng chỉ dẫn lớn hơn, vị trí thuận tiện hơn để du khách có thể dễ dàng nhìn thấy và dễ dàng tham quan khám phá hơn.
- ❖ Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường đi vào di tích.

### **3.2.2.5. Quản lý và tổ chức các lễ hội**

- ❖ Từ công tác chuẩn bị đến quảng bá. Đảm bảo lễ hội diễn ra thành công, trang nghiêm, đề phòng các rủi ro cúp điện, thời tiết xấu.

- ❖ Cần lưu ý đến thời gian và kinh phí để tổ chức lễ hội. Thời gian tổ chức lễ hội cần linh hoạt nhưng phù hợp với tình hình của di tích và các điều kiện khách quan khác. Cần đưa ra nguồn kinh phí hợp lý để đảm bảo tính kinh tế tránh lãng phí.
- ❖ Cần thông báo cho du khách về thời gian, địa điểm diễn ra lễ hội, những thay đổi nếu có để đảm bảo tất cả du khách có thể tham gia lễ hội trọn vẹn.
- ❖ Xây dựng chương trình lễ hội mới lạ, độc đáo, hấp dẫn nhưng vẫn giữ được nét văn hóa tín ngưỡng dân gian truyền thống và tính trang nghiêm cần có của chốn linh thiêng.
- ❖ Cần có sự phối hợp giúp đỡ của các lực lượng chức năng để đảm bảo tính an ninh, trật tự, giúp cho lễ hội diễn ra thành công, tránh nạn trộm cắp, ăn xin, làm cho du khách yên tâm tham gia lễ hội.
- ❖ Đảm bảo vệ sinh môi trường tốt trước, trong và sau khi diễn ra lễ hội.
- ❖ Kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để thành lập quỹ hỗ trợ bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa lễ hội tại di tích, để công tác tổ chức lễ hội được duy trì và ngày càng phát triển hơn.

#### **3.2.2.6. Vấn đề xã hội**

- ❖ Nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về các di sản của di tích và kêu gọi cộng đồng tham gia đồng hành vào việc bảo tồn, tôn tạo các di sản và các giá trị lễ hội truyền thống.
- ❖ Kêu gọi cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch tâm linh tại di tích, tích cực tuyên truyền quảng bá về di tích, có thái độ thân thiện với du khách tạo ấn tượng tốt cho du khách về con người và di tích nơi đây.
- ❖ Các hộ kinh doanh hàng quán xung quanh di tích cần đa dạng hóa thức ăn, nước uống phục vụ du khách nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý.



### Tiểu kết chương 3:

Du lịch văn hóa tâm linh hiện đang trở thành xu hướng du lịch mới cho sự phát triển của du lịch tỉnh Thái Bình nói riêng và ngành du lịch Việt Nam nói chung. Trên quá trình phát triển loại hình du lịch này sẽ rất cần thiết đến sự chung tay góp sức của toàn thể lực lượng của ngành du lịch cũng như sự chung tay góp sức của toàn thể lực lượng của ngành du lịch cũng như sự hỗ trợ của các ngành kinh tế khác.

Đền Đồng Bằng và lễ hội Đền đền Đồng Bằng từ lâu đã trở thành một di sản văn hóa đa dạng và phong phú trong di sản văn hóa tâm linh Thái Bình. Đây là một điểm di tích có rất nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch tâm linh. Nó chứa đựng trong mình những giá trị to lớn về một giai đoạn lịch sử hào hùng của đất nước; nơi đây còn là một vùng đất thiêng chứa đựng những giá trị tâm linh Phật giáo sâu sắc; cùng với một không gian cảnh quan đẹp hùng vĩ, kết hợp với các công trình kiến trúc đồ sộ. Tất cả tạo nên một tổng thể văn hóa – lịch sử - tâm linh đa dạng về giá trị văn hóa và tâm linh sâu sắc. Bên cạnh đó, lễ hội Đền Đồng Bằng diễn ra hàng năm cũng là một nét di sản văn hóa độc đáo đối với đời sống tâm linh của người dân địa phương và có ý nghĩa trong việc phát triển du lịch.

Việc tổ chức tốt các sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh tại đền Đồng Bằng không chỉ tăng thu nhập cho ngành du lịch tỉnh nhà, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế nói chung mà còn phát huy được giá trị tinh thần, khơi dậy những giá trị nhân văn tốt đẹp trong lòng mỗi người dân, mỗi du khách khi đến đây.

Vì vậy đền Đồng Bằng cần được chú trọng, quan tâm và đầu tư nhiều hơn, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng sâu sắc của người dân địa phương, đồng thời quảng bá, khai thác nó dưới nhiều góc độ khác nhau trong chiến lược phát triển ngành du lịch, để Thái Bình trở thành một thành phố du lịch.

Với những ưu thế, tiềm năng vốn có, cùng với xu thế phát triển du lịch bền vững, việc phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại đền Đồng Bằng sẽ góp phần làm cho du lịch Thái Bình ngày càng phát triển, thu hút đông đảo du khách.. Đồng thời, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tâm linh Thái Bình nói riêng và bản sắc văn hóa dân tộc nói chung.



## KẾT LUẬN

Thái Bình đã từng một thời là một trong những thành phố phát triển rực rỡ của nền kinh tế - văn hóa. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử và những biến cố thời gian những đền Đồng Bằng vẫn giữ nguyên được giá trị và văn hóa tiêu biểu ở đền Đồng Bằng đó chính là tín ngưỡng thờ Mẫu.

Thờ Mẫu là một nét văn hóa tốt đẹp của người Việt thể hiện tình cảm trân trọng và tôn vinh giá trị của người phụ nữ. Tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng là tín ngưỡng đậm chất bản địa, thể hiện quá trình giao lưu và tiếp nhận với các tín ngưỡng tôn giáo khác. Được sự đồng đảo cư dân bản địa và du khách tới tham gia sôi nổi. Với những dấu ấn đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Đồng Bằng, ta có thể thấy được giá trị văn hóa mà tín ngưỡng này đóng góp cho văn hóa Thái Bình nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung. Từ đó, sẽ phát triển được du lịch tâm linh không chỉ trong nước mà còn đối với du khách nước ngoài khi đến với Việt Nam. Hiểu sâu sắc, quảng bá về tín ngưỡng thờ Mẫu, để không mất đi được sự thiêng liêng cao đẹp trong tục thờ Mẫu của Việt Nam. Bên cạnh đó cần các ban chính quyền địa phương, những người có thẩm quyền trong việc lựa chọn và đưa ra những phương án quản lý chặt chẽ không để những người có hành vi xấu lợi dụng tín ngưỡng thờ Mẫu để chuộc lợi cho chính bản thân mình, mất đi lòng tin của người dân Việt và bạn bè quốc tế mỗi khi tìm đến du lịch tâm linh.

## PHỤ LỤC

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Anh (2009), *Tục thờ Mẫu và nghi lễ hầu bóng tại đền Đồng Bằng* – Khóa luận tốt nghiệp Khoa Văn hóa Du lịch, Đại học Văn hóa Hà Nội.
2. Đinh Đăng Túy (2004), *Đền Đồng Bằng, một kiến trúc kỳ vĩ, một truyền thuyết anh dũng* – Công ty du lịch Thái Bình.
3. Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc (1984), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
4. Hoàng Quốc Hải (2001), *Văn hóa phong tục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Mai Thanh Hải (2001), *Tìm hiểu tín ngưỡng truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
7. Ngô Đức Thọ (chủ biên) 2003, *Từ điển di tích văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học.
8. Nguyễn Đăng Duy (1997), *Văn hóa tâm linh Nam bộ*, Nxb Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Hương (2008), *giáo trình Văn hóa học*, Nxb Đại học sư phạm.
10. Phan Kế Bính (2004), *Việt Nam phong tục*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
11. Sơn Nam (1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb TP HCM.
12. Thích Minh Nghiêm (2010), *Nghi lễ thờ Mẫu*, Văn hóa và Tập tục, Nxb Thời đại.
13. Thuận Phước (2011), *Phong tục Dân gian – Nghi lễ Thờ Mẫu*, Nxb Hồng Đức.
14. TS. Trần Thị Mai, 2009, *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động.
15. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2005).

### **Tài liệu qua Internet:**

1. <http://dothocung.net.vn/diendan/ban-tam-toa-thanh-mau-gom-nhung-ai.html>
2. [http://dulich.thaibinh.gov.vn/den\\_dong\\_bang.html](http://dulich.thaibinh.gov.vn/den_dong_bang.html)
3. <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Den-Dong-Bang-mot-di-san-van-hoa-noi-tieng-20404.html>
4. <https://text.123doc.org/document/3859557-tim-hieu-di-tich-den-dao-dong-xa-an-le-huyen-quynh-phu-tinh-thai-binh.htm>
5. [Trang thông tin điện tử, hội di sản văn hóa Việt Nam với bài hội thảo công tác quản lý lễ hội dân gian.](#)